

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập - Tự do - Hạnh phúc

D T H O



I U L
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ FIRST REAL

à N ng, Ngày 29 tháng 03 n m 2019

M C L C

PH N M U	6
CH NG I	6
NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I UL	6
i u 1. Gi i thích thu t ng	6
CH NG II	7
CÁC QUY NH CHUNG	7
i u 2. Tên g i, lo i hình t ch c ho t ng, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n, ng i i di n theo pháp lu t và th i h n ho t ng c a Công Ty	7
i u 3. M c tiêu ho t ng	7
CH NG III	9
QUY N VÀ NGH A V C A CÔNG TY	9
i u 4. Quy n c a Công Ty	9
i u 5. Trách nhi m c a Công Ty	10
CH NG IV	11
V N I UL , C ÔNG SÁNG L P, LO IC PH N, CH NG CH C PHI U 11	
i n 6. V n i u L	11
i u 7. Quy n và trách nhi m c a các C ông.....	12
i u 8. C ông sáng l p.....	13
i u 9. C ông ph thông.....	13
i u 10. C Ph n u ãi.....	15
i u 11. Ch ng nh n c phi u và S ng Ký C ông.....	16
CH NG V	17
CHUY N NH NG, THU H I VÀ MUA L IC PH N	17
i u 12. Chuy n nh ng c ph n.....	17
i u 13. Thu h i C Ph n.....	18
i u 14. Mua l i C Ph n theo yêu c u c a các C ông.....	18
i u 15. Mua l i C Ph n theo quy t nh c a Công Ty.....	19
i u 16. Th i h n thanh toán và t ch i mua l i C Ph n.....	20
CH NG VI	20
C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT	20

điều 17. Cơ cấu Tổ chức và Quy định của Công Ty.....	20
CHƯƠNG VII.....	20
PHẦN I - NGUYÊN TẮC.....	20
điều 18. Quy định của HĐQT.....	20
điều 19. Chức vụ HĐQT.....	21
điều 20. Nguyên tắc quy định họp HĐQT.....	22
điều 21. Thay đổi các quy định.....	23
điều 22. Triết lý họp HĐQT, Chương trình và Thông báo họp HĐQT.....	24
điều 23. Điều kiện triết lý họp và thẩm quyền hành động HĐQT.....	25
điều 24. Thông qua Nghị quyết của HĐQT.....	27
điều 25. Biên bản cuộc họp HĐQT.....	29
điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của HĐQT.....	30
CHƯƠNG VIII.....	30
PHẦN I - NGUYÊN TẮC.....	30
điều 27. Thành phần và nhiệm vụ.....	30
điều 28. Quy định và trách nhiệm của HĐQT.....	31
điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên của HĐQT.....	33
điều 30. Nguyên tắc phân bổ trách nhiệm Công Ty.....	33
điều 31. Chức vụ HĐQT.....	34
điều 32. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	37
CHƯƠNG IX.....	38
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGUYÊN TẮC VÀ HÀNH ĐỘNG NGHIỆP VỤ KHÁC VÀ	38
THAM KÝ CÔNG TY.....	38
điều 33. Tổ chức hoạt động.....	38
điều 34. Tổng Giám đốc, Nguyên tắc và Hành Động Nghiệp vụ và Tham ký Công Ty.....	38
điều 35. Lao động.....	40
CHƯƠNG X.....	40
NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN,	40
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGUYÊN TẮC VÀ HÀNH ĐỘNG NGHIỆP VỤ.....	40
điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột lợi ích.....	40
điều 37. Trách nhiệm về thẩm quyền và Bị thẩm định.....	41

điều 38. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, KSV, TG và Nghị định của Hành Doanh Nghị định	42
CHƯƠNG XI	42
BANKING	42
điều 39. Banking	42
CHƯƠNG XII	44
QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ	44
điều 40. Quy định về sách và hồ sơ	44
CHƯƠNG XIII	44
PHÂN CHIA LI NHUẬN	44
điều 41. Phân chia lợi nhuận	44
CHƯƠNG XIV	46
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NẾM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	46
điều 42. Tài khoản Ngân hàng	46
điều 43. Nếem tài chính	46
điều 44. Báo cáo và Chế độ Kế toán	46
điều 45. Chế độ Tài chính trong tương lai	46
CHƯƠNG XV	46
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	46
điều 46. Báo cáo hàng năm, công bố thông tin và thông báo ra công chúng	46
điều 47. Báo cáo thường niên	47
điều 48. Kiểm toán	47
điều 49. Con dấu	47
điều 50. Bảo mật	48
CHƯƠNG XVI	48
CHẾ ĐỘ THO T NG VÀ GIỚI THIỆU	48
điều 51. Chế độ thoát ng	48
điều 52. Giới thiệu nhân ho t ng	49
điều 53. Thanh lý	49
điều 54. Trình h p b t c gi a các thành viên HĐQT và Công ông	49
CHƯƠNG XVII	50
THÔNG BÁO, GIỚI QUY T TRÌNH CH P	50

i u 55. Thông báo	50
i u 56. Giấy quy t tranh ch p.....	50
CH NG XVIII	51
S A IB SUNG I UL	51
i u 57. S a ib sung i uL	51
i u 58. Ngày hi u l c.....	51
CH KÝ NG I IDI N THEO PHÁP LU T	51
T NG GIÁM C	51
PH L C 01	52
(ính kèm i u l Công ty c ph n a c First Real)	52

PHỤ LỤC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11; và Công ty Cổ phần của FIRST REAL (đây gọi là “Công Ty”) đã thông qua biên bản họp Hội đồng của Công ty tại phiên họp ngày 19 tháng 11 năm 2018, sửa đổi, bổ sung ngày 29 tháng 3 năm 2019.

CHƯƠNG I

NHỮNG Á CÁCH THUẬT TRONG NỘI DUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trong nội dung này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

“**Văn bản nội dung**” là tài liệu giá trị pháp lý của phần bán hàng đã được ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của nội dung này;

“**Luật Doanh nghiệp**” là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

“**Luật Chứng khoán**” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

“**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị pháp lý) liên quan;

“**Người Có Liên Quan**” là cá nhân, tổ chức quy định tại Điều 4.17 Luật Doanh Nghiệp và Điều 6.34 Luật Chứng Khoán.

“**Người ủy quyền Danh dự**” có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào, kể cả người giữ vị trí chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị mà ủy quyền bất kỳ cá nhân, mặt khác là Điều 5 của Quy định, hoặc mặt khác là pháp nhân hoặc tổ chức trong trường hợp Công ty không có Điều 5 Theo Quy định tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng.

“**Người Quản Lý Doanh Nghiệp**” có nghĩa như quy định tại Điều 4.18 Luật Doanh Nghiệp.

“**Pháp luật**” là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, quy chế (bao gồm và không hạn chế quy định và quy chế của bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào mà tài liệu của Công Ty được niêm yết), quy định, thông tin, hướng dẫn, quy định, nghị quyết hoặc bất kỳ các quy định nào có giá trị pháp lý ràng buộc tất cả các văn bản nói phía trên bất kể các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan thực hiện và công bố và cấp dưỡng vào Công Ty và các tài liệu liên quan.

“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**” là nơi giao dịch chính thức kinh doanh chứng khoán, trái phiếu và các loại chứng khoán khác mà tài liệu của Công Ty được niêm yết.

“**Số đăng ký Công ty**” có nghĩa là số đăng ký Công ty của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều này và Luật Doanh Nghiệp.

“**Viet Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

“**VND**” hoặc “**Viet Nam đồng**” là đơn vị tiền tệ pháp định của Việt Nam.

“**VSD**” có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

1.2. Nguyên tắc ghi thích

- i. Trong Điều này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản đó.
- ii. Các tiêu chuẩn sẽ được thu thập theo dõi và không nhúng vào vị trí ghi thích và nội dung của các điều khoản của Điều này.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2. Tên gọi, loại hình tổ chức hoạt động, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, nơi đại diện theo pháp luật và thẩm quyền của Công Ty

2.1 Tên Công Ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN AN C FIRST REAL**

Tên giao dịch tiếng Anh:

Tên viết tắt: **FIRST REAL.,JSC**

2.2 Công Ty được thành lập theo hình thức công ty cổ phần, có tổ chức pháp nhân theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành..

2.3 Trụ sở đăng ký của Công Ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5 Khu văn phòng – Khu phức hợp khách sạn B chung cư, 50 B chung cư, Phường Hi Châu I, Quận Hi Châu, Hà Nội
- Điện thoại: (84-236) 3616767
- Website: www.fir.vn

2.4 Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

Công Ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Quy định và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định trong Điều này và Luật Doanh Nghiệp.

2.5 Công Ty có thể, theo Nghị quyết của HĐQT và phù hợp với quy định của Pháp Luật, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh hoặc các mục tiêu của Công Ty.

2.6 Thẩm quyền hoạt động của Công Ty là vô hạn. Công Ty có thể thay đổi thẩm quyền hoạt động theo một nghị quyết của HĐQT.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động

3.1 Công Ty được phép hoạt động, bao gồm những không ghi nhận, trong các lĩnh vực sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị, thu mua, chuyển nhượng bất động sản	6810 (Chính)
	Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Hoạt động kinh doanh khu công nghiệp, công mại công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu du lịch và khu vui chơi giải trí. Cho thuê đất đai xây dựng công trình hạ tầng. Hoạt động kinh doanh nhà phố và công nhân tại các khu công nghiệp, công mại công nghiệp, khu dân cư đô thị. Cho thuê hoặc bán nhà, nhà xưởng, kho bãi.	

2	T v n, môi gi i, u giá b t ng s n, u giá quy n s d ng t	6820
	Chi ti t: T v n, môi gi i, qu n lý b t ng s n. Kinh doanh sàn giao d ch b t ng s n.	
3	Bán ph tùng và các b ph n ph tr c a ô tô và xe có ng c khác	4530
4	Bán buôn chuyên doanh khác ch a c phân vào âu	4669
	Chi ti t: Bán buôn t , x , s i, d t, cao su.	
5	Bán buôn v t li u, thi t b l p t khác trong xây d ng	4663
	Chi ti t: Bán buôn tre, n a, g cây và g ch bi n (g có ngu ng ch p pháp)	
6	Bán buôn máy vi tính, thi t b ngo i vi và ph n m m	4651
7	Bán buôn thi t b và linh ki n i n t , vi n thông	4652
8	Bán buôn v i, hàng may s n, giày dép	4641
9	Xây d ng nhà các lo i	4100
10	Xây d ng công trình ng s t và ng b	4210
11	Xây d ng công trình công ích	4220
12	Xây d ng công trình k thu t dân d ng khác	4290
	Chi ti t: Xây d ng khu công nghi p, c m công nghi p, khu dân c ô th , khu du l ch và khu vui ch i gi i trí. Xây d ng, s a ch a nhà, nhà x ng, kho bãi.	
13	Phá d	4311
14	Chu n b m t b ng	4312
15	L p t h th ng i n	4321
	(tr gia công c khí, tái ch ph th i, xi m i n t i tr s).	
16	L p t h th ng c p, thoát n c, lò s i và i u hoà không khí	4322
	(tr gia công c khí, tái ch ph th i, xi m i n t i tr s).	
17	L p t h th ng xây d ng khác	4329
18	Hoàn thi n công trình xây d ng	4330

3.2 M c tiêu ho t ng c a Công ty

M c tiêu kinh doanh c a Công ty là không ng ng phát tri n các ho t ng s n xu t - kinh doanh thu l i nhu n t i a, t o vi c làm n nh, c i thi n i u ki n làm vi c, nâng cao thu nh p và i s ng c a ng i lao ng; m b o l i ích c a các c ông và làm tròn ngh a v v i ngân sách Nhà n c theo Lu t nh, th c hi n ch tr ng phát

- triển kinh tế, nâng cao đời sống, Nhà nước và các địa phương; góp phần tạo ra sản phẩm cho xã hội và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội khác.
- 3.3 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác các pháp luật cho phép và các lĩnh vực công nghệ thông qua

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 4. Quy định của Công Ty

Công Ty có quy định:

- 4.1 Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Công đồng và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chính sách kinh doanh của Công Ty.
- 4.2 Trừ khi bị Pháp Luật nghiêm cấm, công ty phải chấp hành các quy định của pháp luật và liên quan đến hình thức các khoản vay, huy động vốn, bảo đảm nhu cầu vốn cho việc phát triển chính sách kinh doanh của Công Ty, bao gồm các việc phát triển các dự án bất động sản.
- 4.3 Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế làm việc và chức năng của các nhân viên kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Công Ty. Phân chia và chịu trách nhiệm các nguồn lực giữa các Công Ty Con nhằm bảo vệ quyền lợi kinh doanh.
- 4.4 Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị Pháp Luật cấm, mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch của Công Ty và nhu cầu thị trường.
- 4.5 Tái cơ cấu, chuyển đổi hoạt động của các Công Ty Con và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công Ty.
- 4.6 Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty trong và ngoài nước theo quy định của Pháp Luật; mở (các) tài khoản giao dịch trong và ngoài nước.
- 4.7 Chia tách, sáp nhập, mua lại, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp danh, mua cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của công ty khác theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công Ty.
- 4.8 Tìm kiếm thị trường, khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các loại hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 4.9 Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng nhân lực theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi Pháp Luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán, phân bổ thu nhập, quy định mức lương, thưởng theo quy định của Pháp Luật.
- 4.10 Tổ chức và không chấp nhận các nghĩa vụ tài chính không được quy định bởi Pháp Luật từ bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào, trừ các đóng góp tình nguyện vì mục đích nhân đạo và lợi ích công cộng.
- 4.11 Quy định giá mua, giá bán của các nguyên vật liệu, trang thiết bị, sản phẩm và dịch vụ, trừ trường hợp mua bán sản phẩm và dịch vụ có giá do Chính Phủ quy định.
- 4.12 Sử dụng vốn và quyền của Công Ty phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.
- 4.13 Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp Luật. Ph thu vào phạm

- vi ho t ̣ng kinh doanh c ̣a Công Ty và theo quy ̣nh c ̣a Pháp Lu t, Công Ty có th ̣nhiêm y t, h ̣y ni ̣m y t c ̣phi u c ̣a mình trên các S ̣ Giao D ̣ch Ch ̣ng Khoán.
- 4.14 Thanh lý, chuy ̣n nh ̣ng, thay th ̣, thuê, cho thuê, c ̣m c ̣ tài s ̣n, th ̣ch p, b o l ̣nh, góp v ̣n b ̣ng quy ̣n s ̣ d ̣ng t ̣ và các quy ̣n tài s ̣n khác phù h ̣p v ̣i Pháp Lu t và trên c ̣ s ̣ b o toàn v ̣n.
- 4.15 Quy t ̣nh s ̣ d ̣ng và phân ph ̣i l ̣i nhu ̣n cho các C ̣ ông sau khi ̣ ã hoàn thành các ngh ̣a v ̣i v ̣i nhà ̣n c ̣ và phân b ̣ qu ̣ theo quy ̣nh c ̣a Pháp Lu t và quy t ̣nh c ̣a H ̣ QT.
- 4.16 ̣ng ký và th ̣c thi quy ̣n s ̣ h ̣u trí tu ̣.
- 4.17 Kh ̣i ki ̣n và t ̣ bào ch ̣a trong các th ̣ t c t t ̣ng.
- 4.18 Thuê các lu t s ̣, k ̣ toán, t ̣ v ̣n, i lý, c ̣ v ̣n, k ̣ s ̣, ki ̣n trúc s ̣ và nhà th ̣ u ̣ giúp Công Ty.
- 4.19 ̣c h ̣ng và yêu c ̣u các chính sách u ̣ ãi v ̣ thu theo quy ̣nh c ̣a Pháp Lu t.
- 4.20 Th ̣c hi ̣n m ̣i ho t ̣ng h ̣p pháp, ký k ̣t các th ̣a thu ̣n, v ̣n b ̣n h ̣p pháp n u c ̣n thi t ̣ và c ̣n làm nh ̣m m ̣c ích ph ̣c v ̣ cho Công Ty và ho t ̣ng kinh doanh c ̣a Công Ty.
- 4.21 Các quy ̣n khác phù h ̣p v ̣i quy ̣nh c ̣a Pháp Lu t.

i u 5. Trách nhi ̣m c ̣a Công Ty

Công Ty ch ̣u trách nhi ̣m:

- 5.1 Hoàn thành vi c ̣ng ký kinh doanh và ho t ̣ng kinh doanh phù h ̣p v ̣i các l ̣nh v ̣c kinh doanh ̣ng ký; ch ̣u trách nhi ̣m tr ̣c (i) các C ̣ ông v ̣ k ̣t qu ̣ kinh doanh c ̣a Công Ty và (ii) khách hàng c ̣a mình và Pháp Lu t v ̣ các s ̣n ph ̣m và d ̣ch v ̣ do Công Ty cung c ̣p.
- 5.2 L ̣p chi ̣n l ̣c phát tri ̣n, k ̣ ho ch ̣ u t ̣, k ̣ ho ch ̣ kinh doanh phù h ̣p v ̣i ch ̣c n ̣ng và nhi ̣m v ̣c ̣a Công Ty c ̣ng nh ̣ nhu c ̣u c ̣a th ̣ tr ̣ng.
- 5.3 Ký k ̣t và t ̣ch c ̣ th ̣c hi ̣n các lo ̣i h ̣p ̣ng v ̣i các i tác.
- 5.4 Th ̣c hi ̣n các ngh ̣a v ̣i v ̣i ̣ng i lao ̣ng phù h ̣p v ̣i B ̣ lu t Lao ̣ng, m b o cho ̣ng i lao ̣ng tham gia vi c ̣ qu ̣n lý Công Ty thông qua th ̣a c ̣ lao ̣ng t ̣p th ̣ và các quy ̣nh khác.
- 5.5 Tuân th ̣ các quy ̣nh Pháp Lu t v ̣ b o v ̣ tài nguyên thiên nhiên, b o v ̣ môi tr ̣ng, an ninh qu ̣c gia, phòng cháy và ch ̣a cháy.
- 5.6 Tuân th ̣ các Ch ̣ k ̣ toán và th ̣ng kê, chu ̣n b ̣ các b ̣n báo cáo nh ̣k phù h ̣p v ̣i quy ̣nh c ̣a Nhà ̣n c ̣ và báo cáo b ̣t th ̣ng theo yêu c ̣u c ̣a H ̣ C ̣ và ch ̣u trách nhi ̣m v ̣ tính chính xác và trung th ̣c c ̣a các báo cáo ó.
- 5.7 Ch ̣u s ̣ ki ̣m tra c ̣a các c ̣ quan qu ̣n lý Nhà ̣n c ̣ theo quy ̣nh Pháp Lu t.
- 5.8 Tuân th ̣ các quy ̣nh v ̣ thanh tra c ̣a c ̣ quan Nhà ̣n c ̣ có th ̣m quy ̣n.
- 5.9 Tuân th ̣ tri t ̣ch ̣ và quy ̣nh v ̣ Ch ̣ báo cáo tài chính, th ̣ng kê - k ̣ toán, ki ̣m toán và các quy ̣ch ̣ khác c ̣ quy ̣nh b ̣i Pháp Lu t, ch ̣u trách nhi ̣m v ̣ tính chính xác và trung th ̣c trong các báo cáo tài chính c ̣a Công Ty.
- 5.10 B o toàn, phát tri ̣n v ̣n và các kho ̣n qu ̣c ̣a Công Ty.
- 5.11 Hoàn thành các quy ̣nh liên quan ̣n các h ̣ng m ̣c thu, chi trong b ̣ng cân i k ̣ toán c ̣a Công Ty.

- 5.12 Cung cấp báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khách quan và có thể tin cậy về tình hình tài chính của Công Ty theo quy định của H C và quy định của Pháp Luật.
- 5.13 Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
- 5.14 Tuân thủ mọi nghĩa vụ kho nợ của Công Ty này và chịu trách nhiệm về nghĩa vụ khách hàng trong phạm vi vốn của Công Ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐẦU TƯ, CÔNG SÁNG LẬP, LỢI CẬP HỮU, CHƯƠNG TRÌNH CHẤM PHIẾU 6.1. VỐN ĐẦU TƯ

- 6.1 Vốn đầu tư của Công Ty tính đến thời điểm thông qua Điều lệ là: **130.000.000.000** (Bằng chữ: *Một trăm ba mươi tỷ đồng*). Công ty có thể thay đổi vốn đầu tư khi được H C thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- Vốn đầu tư của Công Ty được chia thành 13.000.000 Cổ Phần thông thường với mệnh giá là 10.000 VNĐ /Cổ Phần. Các Cổ Phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm Cổ Phần thông thường. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của H C và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- 6.2 Vốn đầu tư của Công Ty có thể được góp bằng tiền, cổ phiếu, ngoại tệ, do chuyển nhượng, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác theo quy định của pháp luật.
- 6.3 Số cổ phần được quyền chào bán của Công Ty là tổng số cổ phần do H C quyết định chào bán huy động vốn từ thị trường và được ghi nhận trong các nghị quyết của H C. HĐQT quyết định thời điểm phát hành và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần chào bán không được thấp hơn giá trị thực vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mệnh giá cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:
- i. Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số phần trăm quyền hạn trong Công Ty;
 - ii. Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được chấp thuận của H C ;
 - iii. Cổ phần phát hành cho nhân viên theo Chương trình Phát hành Cổ Phần ưu đãi cho Nhân viên (ESOP) do H C phê duyệt;
 - iv. Các trường hợp khác theo Nghị quyết của H C .
- 6.4 Trường hợp H C có quyết định khác, bất kể cổ phần thông thường đã được phát hành nào sẽ ưu tiên chào bán cho tất cả Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần thông thường mà Cổ Đông đó đang nắm giữ. Trình tự, thủ tục chào bán cổ phần cho các Cổ Đông hiện hữu được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán. Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác, số cổ phần Cổ Đông không được ký mua hết số quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT chào bán hoặc phân phối quyền chuyển mua các cổ phần đó cho các cá nhân thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được ưu tiên hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ khi được

H C ch p thu n ho c trong tr ng h p C Ph n c bán qua S Giao d ch Ch ng khoán.

- 6.5 Công Ty có thể mua l i C Ph n do chính Công Ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i u L này và pháp lu t hi n hành. C Ph n do Công Ty mua l i là c phi u qu và H QT có thể chào bán ho c nh o t theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u L này, Lu t Ch ng Khoán và v n b n h ng d n liên quan.
- 6.6 Công Ty có quy n phát hành trái phi u có tài s n b o m và/ho c trái phi u không có tài s n b o m, trái phi u chuy n i (trái phi u có thể c chuy n i thành C Ph n theo các i u ki n c quy nh tr c), ch ng quy n (c phát hành cùng v i trái phi u cho phép ng i n m gi ch ng nh n trái phi u c mua m t s l ng C Ph n v i m c giá và th i gian xác nh tr c) và các lo i ch ng khoán khác theo quy nh c a Pháp Lu t. Tr tr ng h p Pháp Lu t có quy nh khác, H QT có quy n quy t nh vi c phát hành trái phi u, lo i trái phi u, t ng giá tr trái phi u, th i i m phát hành trái phi u và các n i dung liên quan khác nh ng ph i báo cáo H C t i cu c h p g n nh t.
- 6.7 V n i u L s không c s d ng chi tr c t c cho các C ông trong b t k tr ng h p nào. Tr ng h p Công Ty ch m d t ho t ng tr c th i h n, các quy nh liên quan c a Pháp lu t s c áp d ng.

i u 7. Quy n và trách nhi m c a các C ông

- 7.1 Các C ông là ch s h u c a Công Ty, có quy n và trách nhi m t ng ng v i s l ng C Ph n và lo i C Ph n mà h s h u. Trách nhi m i v i các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Công Ty c a t ng C ông c gi i h n trong ph m vi giá tr tính trên m nh giá c a các C Ph n mà ng i ó n m gi .
- 7.2 C ông L n không c l i d ng u th c a mình gây t n h i n các quy n, l i ích c a Công Ty và c a các C ông khác, ng th i có ngh a v công b thông tin theo quy nh c a Pháp lu t.
- 7.3 C ông là pháp nhân ho c t ch c có quy n c m t ho c m t s i Di n Theo y Quy n nhân danh mình th c hi n các quy n c a mình v i t cách là m t C ông c a Công Ty theo quy nh c a Pháp Lu t; tr ng h p có nhi u h n m t i Di n Theo y Quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u i di n b i m i i Di n Theo y Quy n. Trong tr ng h p C ông là pháp nhân ho c t ch c không xác nh s c ph n t ng ng cho m i i Di n Theo y Quy n, s c ph n s c chia u cho s l ng i Di n Theo y Quy n. M t i Di n Theo y Quy n c a m t C ông là pháp nhân ho c t ch c có thể bi u quy t khác v i m t i Di n Theo y Quy n khác c a cùng m t C ông i v i cùng m t v n t i cu c h p H C . Công Ty có quy n d a vào thông tin trong gi y y quy n thu x p các ho t ng c a Công Ty (bao g m vi c xác nh s i bi u tham d t i thi u c n thi t cho cu c h p H C ho c bi u quy t thông qua các Ngh quy t c a H C). C ông s b ràng bu c b i vi c th c hi n ho c không th c hi n c a i Di n Theo y Quy n c ch nh h p l c a mình và m i h n ch v th m quy n c a C ông i v i i Di n Theo y Quy n trong vi c th c hi n các quy n, ngh a v c a C ông u không có hi u l c i v i bên th ba tr tr ng h p các gi i h n ó c quy nh rõ trong gi y y quy n.

- i. Vì c c , ch m d t ho c thay i i Di n Theo y Quy n s ch có hi u l c n u c thông báo b ng v n b n n Công Ty ít nh t b n m i tám (48) gi tr c khi vi c c , ch m d t ho c thay i này có hi u l c. Trong gi i h n quy nh b i Pháp Lu t, thông báo ph i có các n i dung ch y u sau ây:
 - a. Tên, mã s doanh nghi p, a ch tr s chính c a C ông;
 - b. S l ng C Ph n, lo i C Ph n và ngày ng ký C ông t i Công Ty;
 - c. H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Th c n c c công dân, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a i Di n Theo y Quy n;
 - d. S C Ph n i Di n Theo y Quy n ó c y quy n i di n;
 - e. Th i h n c y quy n c a i Di n Theo y Quy n; trong ó ghi rõ ngày b t u c y quy n; và
 - f. H , tên và ch ký c a i Di n Theo y Quy n và ng i i di n theo pháp lu t (ho c ch c v t ng ng) c a C ông ó.
- ii. Trong ph m vi quy nh c a Pháp Lu t, Công Ty ph i g i thông báo v i Di n Theo y Quy n c quy nh t i kho n này n c quan ng ký kinh doanh trong th i h n n m (5) ngày làm vi c, k t ngày nh n c thông báo.

i u 8. C ông sáng l p

- 8.1 Tên, a ch , s l ng C Ph n ph thông và các chi ti t khác v các C ông sang l p c quy nh t i Lu t Doanh Nghi p ính kèm theo t i Ph l c l, làm t ph n c a i u L này.
- 8.2 Do ã quá th i h n ba (03) n m k t Ngày Thành L p, t t c các h n ch i v i C Ph n ph thông do các C ông sáng l p n m gi u c bãi b .

i u 9. C ông ph thông

- 9.1 Ng i s h u C Ph n ph thông c g i là C ông ph thông.
- 9.2 Các C ông ph thông có quy n:
 - i. Tham d và bi u quy t tr c ti p ho c thông qua i Di n Theo y Quy n ho c Ng i c y Quy n Đ H p trong các cu c h p H C v các v n thu c th m quy n c a H C . M i C Ph n ph thông s có m t phi u bi u quy t;
 - ii. Nh n c t c theo quy t nh c a H C ;
 - iii. c u tiên mua c ph n m i chào bán c a Công Ty theo t l t ng ng v i t l s h u C Ph n c a mình trong Công Ty;
 - iv. T do chuy n nh ng C Ph n ã c thanh toán y c a mình cho ng i khác theo quy nh c a i u L này và Pháp Lu t;
 - v. Xem xét, trích l c các thông tin trong S ng Ký C ông; ki m tra các thông tin liên quan n C ông trong danh sách C ông t cách tham gia H C và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;
 - vi. Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u L Công Ty, s biên b n c a H C và các Ngh quy t c a H C ;
 - vii. Trong tr ng h p Công Ty gi i th , có quy n nh n m t ph n tài s n còn l i c a Công Ty t ng ng v i t l s h u C Ph n t i Công Ty, sau khi Công Ty ã th c hi n các kho n thanh toán cho các ch n và b t k C ông u ãi nào và các ngh a v tài chính khác theo quy nh c a Pháp Lu t;

- viii. Yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh Nghiệp;
 - ix. Thực hiện việc bù trừ nợ trong cuộc họp HĐQT (nếu có);
 - x. Các chi phí công bố, chứng minh Cổ Phần của cùng một loại ưu tiên cho Công đồng sở hữu các quy định, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;
 - xi. Các thông báo ý kiến thông tin nội bộ và thông tin bất thành văn hoặc văn bản của Công Ty;
 - xii. Các biện pháp các quy định lập pháp của mình, chứng minh: trong trường hợp Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quy định của Công đồng, Công đồng có quyền nghị quyết theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quy định vi phạm pháp luật gây thiệt hại tới Công Ty, HĐQT, BKS, TG phải bồi thường cho Công Ty theo trách nhiệm của mình, Công đồng có quyền yêu cầu Công Ty bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; và
 - xiii. Các quy định khác theo quy định của Điều L và Luật Doanh Nghiệp.
- 9.3 Mọi Công đồng hoặc nhóm các Công đồng nắm giữ ít nhất 10% tổng số Cổ Phần phải thông báo lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng trước lên ngoài các quy định và nghĩa vụ quy định tại khoản 9.2 và 9.4 của Điều này còn có các quy định sau:
- i. Các thành viên vào HĐQT và BKS;
 - ii. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Công đồng có quyền tham dự và bù trừ tại HĐQT;
 - iii. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính gian lận và hàng năm theo mục của Hệ thống Kế toán Việt Nam và IFRS và các báo cáo của BKS;
 - iv. Yêu cầu trí tuệ pháp lý HĐQT trong các trường hợp quy định tại Điều 114.3 và Điều 136 Luật Doanh Nghiệp;
 - v. Yêu cầu BKS kiểm tra tình trạng liên quan quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 114.2(d) Luật Doanh Nghiệp; và
 - vi. Các quy định khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 9.4 Các Công đồng phải thông báo Công Ty có các nghĩa vụ sau:
- i. Tham gia các cuộc họp HĐQT và thực hiện quy định bắt buộc quy định trình tự họp công đồng qua Điều lệ Theo Quy định hoặc thực hiện bù trừ hoặc các hình thức khác, Công đồng có thể quy định cho thành viên HĐQT làm điều lệ cho mình tại HĐQT;
 - ii. Thanh toán tiền mua Cổ Phần theo số lượng Cổ Phần đã ký mua theo đúng thủ tục, thời hạn quy định;
 - iii. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;
 - iv. Cung cấp địa chỉ chính xác khi ký mua Cổ Phần;
 - v. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới bất kỳ hình thức, trừ trường hợp Công Ty hoặc người khác mua lại Cổ Phần. Trường hợp có Công đồng rút vốn phần hoặc toàn bộ vốn Cổ Phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Công đồng đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách

- nhiệm vụ các khoản và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị Cổ Phần đã rút và các thí nghiệm;
- vi. Tuân thủ luật và các quy định của Công Ty;
 - vii. Chấp hành Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
 - viii. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của luật này và Pháp Luật.
- 9.5 Công ty thông phi chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty để làm hình thức thực hiện trong các hành vi sau đây:
- i. Vi phạm pháp luật;
 - ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của cá nhân khác;
 - iii. Thanh toán các khoản chi trả nhân sự công ty tài chính có thể xảy ra ở Việt Nam Công Ty.
- 9.6 Công ty thông phi không chuyển nhượng Cổ Phần của mình.

Điều 10. Cổ Phần Ưu Đãi

- 10.1 Ngoài công ty thông phi, Công Ty có quyền phát hành các loại Cổ Phần Ưu Đãi. Cổ Phần Ưu Đãi gồm các loại sau đây:
- a) Cổ Phần Ưu Đãi đặc biệt;
 - b) Cổ Phần Ưu Đãi hoàn toàn;
 - c) Cổ Phần Ưu Đãi khác.
- 10.2 Người sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi cũng là Công ty ưu đãi. Quyền và nghĩa vụ của Công ty ưu đãi về mặt lợi ích Cổ Phần Ưu Đãi sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định phù hợp với các quy định liên quan của Luật Doanh Nghiệp.
- 10.3 Cổ Phần Ưu Đãi có thể chuyển nhượng thành Công ty thông phi theo quy định của Hội Đồng Quản Trị.
- 10.4 Trường hợp có thể thu lợi khác hoặc theo Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, Công ty ưu đãi mua chuyển nhượng Cổ Phần Ưu Đãi thành Công ty thông phi để thông báo công bố nội dung Công Ty nêu rõ số lượng Cổ Phần Ưu Đãi mà Công ty ưu đãi mua chuyển nhượng thành Công ty thông phi. Công ty sẽ trình Hội Đồng Quản Trị phê duyệt.
- 10.5 Trong vòng ba (3) ngày làm việc sau khi Hội Đồng Quản Trị phê duyệt việc chuyển nhượng, Công ty ưu đãi sẽ chuyển nhượng cho Công ty chủ quản liên quan tới Cổ Phần Ưu Đãi chuyển nhượng và Công ty sẽ phát hành chứng chỉ quyền sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi thông phi hình thành từ việc chuyển nhượng và ghi nhận việc chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký Công ty. Không phụ thuộc vào ngày mà Công ty liên quan nhận được chứng chỉ quyền sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi thông phi, quy định về việc chuyển nhượng Cổ Phần Ưu Đãi thông phi sẽ coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển nhượng được ký kết trong Sổ Đăng Ký Công ty.
- 10.6 Công ty thông phi hình thành từ việc chuyển nhượng Cổ Phần Ưu Đãi sẽ có quyền ngang bằng và đồng đẳng với các Công ty thông phi đã được phát hành và mua trước khi có sự chuyển nhượng.
- 10.7 Mọi quyền của cùng một loại thuộc cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau, Công ty sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 11. Chế độ nhận vốn phi thuế và Sổ đăng ký Công

- 11.1 Mọi Công ty có quy định về chế độ nhận vốn phi thuế và lợi ích của Cổ đông và lợi ích của Công ty.
- 11.2 Chế độ nhận vốn phi thuế có thể được phát hành dưới hình thức chứng chỉ ký của Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật và được Công ty (nếu có), theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ phi thuế nêu rõ số lượng, lợi ích của Cổ đông và số tiền đã thanh toán Công ty đó, tên của Công ty và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mọi chứng chỉ phi thuế chỉ dùng cho một lợi ích của Cổ đông.
- 11.3 Tùy thuộc vào quy định của Điều này, bất kỳ người nào có tên trong Sổ đăng ký Công ty và bất kỳ Cổ đông nào có quy định về nhận chứng chỉ phi thuế miễn phí trong vòng hai (2) tháng (hoặc lâu hơn theo nhu cầu khi phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) sau khi nhận chuyển nhượng.
- 11.4 Trường hợp Công ty chuyển nhượng Cổ phần trong các Cổ phần quy định trong chứng chỉ phi thuế, thì chứng chỉ sẽ chuyển và Công ty sẽ cấp miễn phí chứng chỉ ghi nhận Cổ phần còn lại thay thế cho chứng chỉ.
- 11.5 Nếu chứng chỉ phi thuế bị hủy hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị mất, hoặc tiêu hủy, chứng chỉ phi thuế ghi nhận Cổ phần tương ứng sẽ cấp cho người nhận mới chứng chỉ theo yêu cầu đăng ký, với điều kiện là Công ty có phiếu in bản gốc cho Công ty chứng chỉ phi thuế, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện liên quan về chứng chỉ và bị hoàn trả (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phí chi phí liên quan cho Công ty theo Quy định của HĐQT. Người nhận mới chứng chỉ phi thuế có trách nhiệm báo quản, giữ gìn chứng chỉ phi thuế. Công ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất hoặc sử dụng sai mục đích của chứng chỉ phi thuế. Mọi chứng chỉ phi thuế có tổng mệnh giá trên mức giá trị của Việt Nam (10.000.000 VNĐ), người nhận mới chứng chỉ phi thuế phải đăng thông báo về việc chứng chỉ bị mất, bị hủy hoặc bị hủy hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo, người nhận mới chứng chỉ phi thuế có quy định của Công ty về chứng chỉ phi thuế mới.
- 11.6 Tất cả các chứng chỉ phi thuế, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty (không phải là các thẻ chào bán, chứng chỉ tạm thời và tài liệu khác), trừ trường hợp mà các điều kiện và điều kiện liên quan đến chứng chỉ quy định khác, phải được ban hành với con dấu (nếu có) và ký của Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 11.7 Liên quan tới Cổ phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ phi thuế còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.
- 11.8 Sổ đăng ký Công ty của Công ty sẽ duy trì và cập nhật ghi nhận các thông tin của Công ty và Cổ đông của Công ty đã đăng ký với VSD;
- 11.9 Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ đăng ký Công ty liên quan tới bất kỳ Công ty nào, thì Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc công ty chứng khoán niêm yết Công ty/công ty chứng khoán tiến hành vì các sự kiện thông tin của Công ty trong Sổ đăng ký Công ty tại VSD.

Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm nếu Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Công ty do địa chỉ của Công ty không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư. Vì Công ty không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu hoặc không nhận được các thư từ từ tập thể H.C., lý do vì Công ty, gửi tài liệu cho Công ty và gửi thư về các quy định H.C. thông qua.

- 11.10 Công Ty có thể phát hành chứng khoán phi ưu không theo hình thức chứng khoán. HĐQT có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chứng khoán phi ưu (theo hình thức chứng khoán hoặc không chứng khoán) chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. HĐQT có thể ban hành các quy định về chứng khoán phi ưu và chuyển nhượng Cổ Phần theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thủ tục đăng ký và lưu trữ.

CHƯƠNG V

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HẬP VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

- 12.1 Thủ tục đăng ký quy định tại khoản 12.4 của Điều này và Pháp Luật có quy định khác, tất cả các Cổ Phần đều có thể chuyển nhượng.
- 12.2 Việc chuyển nhượng Cổ Phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc chuyển nhượng Cổ Phần được ký trong Sổ Đăng Ký Công ty hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD (thủ tục đăng ký Cổ Phần tại lưu ký tại VSD). Các Công ty có tên trong Sổ Đăng Ký Công ty mới coi là Công ty pháp nhân của Công ty.
- 12.3 Tất cả các Cổ Phần đã niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 12.4 HĐQT có toàn quyền quyết định ký chuyển nhượng nếu bất kỳ cổ phần nào của công ty thanh toán đầy đủ.
- 12.5 Trong trường hợp mua Cổ Phần bắt buộc và có yêu cầu của người liên quan, nhà quản lý tài sản khách hàng chỉ có thể mua Cổ Phần bắt buộc, trong trường hợp này phải nêu rõ mức giá sẵn sàng chi trả cho bao nhiêu Cổ Phần. Nếu không có nhà quản lý tài sản khách hàng chi trả, việc thực hiện quy định liên quan đến Cổ Phần của nhà quản lý tài sản không thể thực hiện được khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về việc xác định nhà quản lý tài sản khách hàng chi trả. Tuy nhiên trong trường hợp Công ty bắt buộc mua Cổ Phần 1% vốn điều lệ tăng lên, HĐQT có thể thuê nhà quản lý tài sản chuyên gia pháp lý để nghiên cứu và đưa ra ý kiến về việc này. HĐQT dựa trên ý kiến của chuyên gia tư vấn này: (i) xác định nhà quản lý tài sản khách hàng chi trả cho Cổ Phần của Công ty bắt buộc; hoặc (ii) tạm ngừng thực hiện quy định liên quan đến Cổ Phần của Công ty bắt buộc cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà quản lý tài sản khách hàng chi trả.

- 12.6 Khi m t C ồng là m t pháp nhân ho c t ch c b gi i th , phá s n, sáp nh p, chia tách, chuy n i hình th c ho t ng, thì m i quy n và trách nhi m liên quan t i C Ph n c a C ồng ó s c gi i quy t phù h p v i quy nh c a Pháp Lu t.
- 12.7 C Ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng các quy n l i liên quan nh quy n nh n c t c, quy n nh n c ph n phát hành thêm t ng v n c ph n t ngu n v n ch s h u, quy n mua c ph n m i chào bán.

i u 13. Thu h i C Ph n

- 13.1 N u m t C ồng không thanh toán y và úng h n các kho n thanh toán n h n liên quan n C Ph n, H QT có th vào b t k th i i m nào, g i thông báo t i C ồng ó yêu c u th c hi n ngay v i c thanh toán kho n ti n ch a thanh toán c ng v i ti n lãi c ng d n trên kho n ti n ó và nh ng chi phí phát sinh mà Công Ty ph i ch u do v i c không thanh toán úng h n gây ra.
- 13.2 Thông báo thanh toán nêu trên ph i nêu rõ th i h n thanh toán m i (không ít h n b y (7) ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán c yêu c u ph i hoàn t t và s quy nh r ng trong tr ng h p v i c thanh toán không c th c hi n theo n i dung thông báo, thì s C Ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.
- 13.3 N u các yêu c u c a m t thông báo nêu trên không c th c hi n, b t k C Ph n nào liên quan t i thông báo ó có th b thu h i theo ngh quy t c a H QT t i b t k th i i m nào sau ó, tr c khi thanh toán y các kho n ch a c thanh toán. V i c thu h i bao g m t t c các kho n c t c c công b i v i C Ph n b thu h i ó mà ch a c chi tr th c t tr c th i i m thu h i. H QT có th ch p thu n v i c giao n p l i các C Ph n b thu h i theo các quy nh đ i ây và các tr ng h p khác theo quy nh t i i u L này.
- 13.4 C Ph n b thu h i ho c c giao n p l i c coi là các c ph n c quy n chào bán c a Công Ty. H QT có th tr c t i p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u C Ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H QT th y là phù h p.
- 13.5 C ồng s h u C Ph n b thu h i ho c giao n p l i s b ch m d t t cách C ồng i v i s C Ph n ó, nh ng v n ph i có trách nhi m thanh toán cho Công Ty m i kho n ti n tính cho t i ngày thu h i ho c giao n p cho s C Ph n ó, cùng v i ti n lãi do H QT xác nh k t ngày thu h i ho c giao n p cho t i ngày thanh toán và H QT có toàn quy n quy t nh trong v i c c ng ch thanh toán toàn b giá tr C Ph n b thu h i vào th i i m thu h i ho c giao n p ho c m i n tr toàn b ho c m t ph n v i c thanh toán s ti n ó.
- 13.6 Khi C Ph n ã b thu h i, thông báo v v i c thu h i s c g i cho ng i n m gi C Ph n tr c th i i m thu h i, nh ng trong m i tr ng h p v i c thu h i s không b m t hi u l c vì lý do b sót ho c b t c n trong v i c g i thông báo.

i u 14. Mua l i C Ph n theo yêu c u c a các C ồng

- 14.1 Các C ồng bi u quy t ph n i các Ngh quy t v t ch c l i Công Ty ho c các Ngh quy t thay i các quy n và ngh a v c a C ồng theo quy nh t i i u L này có quy n yêu c u Công Ty mua l i C Ph n c a mình. Yêu c u ph i c th c hi n b ng v n b n, trong ó nêu rõ tên, a ch c a C ồng ó, s l ng C Ph n, giá chào bán

- và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công Ty trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Hội đồng phê duyệt và được quy định trong khoản này.
- 14.2 Công Ty sẽ mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Công đồng theo quy định tại khoản 1 của Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Công Phần sẽ được mua lại theo giá trị thị trường hiện tại, hoặc nếu giá trị thị trường không xác định được, thì giá mua lại sẽ được xác định bằng giá mua của Cổ Phần đó.
- 14.3 Trường hợp không thể thanh toán giá mua lại, HĐQT có thể tham vấn một Công ty kiểm toán chuyên nghiệp độc lập bên thích hợp cho mục đích xác định giá mua lại phù hợp với các quy định của Pháp Luật. Trong trường hợp này, giá mua lại Cổ Phần sẽ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất được phê duyệt và kiểm toán của Công Ty. Trong vòng năm (5) ngày, kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Công đồng không phản đối, thì giá mua lại sẽ coi như đã được đồng ý. Trong trường hợp Công đồng phản đối, thì Công đồng phải giải thích lý do tại Công Ty. Tuy vậy, không phải thu vào việc này chi phí nào của Công Ty và có quy định chi tiết về thanh toán theo giá mua lại đã được xác định theo khoản này và chi tiết về các quy định, nghĩa vụ của Công đồng liên quan tới Cổ Phần được mua lại. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không thể thanh toán, thì Công đồng có thể đưa vụ việc ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam theo quy định tại Điều 55 của Điều lệ này.

Điều 15. Mua lại Cổ Phần theo quy định của Công Ty

- 15.1 Công Ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số Cổ Phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số Cổ Phần chưa được bán, theo các quy định dưới đây:
- i. Hội đồng quy định việc mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần đã bán của mỗi lần chào bán trong 12 tháng. Các trường hợp mua lại khác do HĐQT quy định.
 - ii. HĐQT xác định giá mua lại Cổ Phần. Giá mua lại của Cổ Phần phổ thông không được cao hơn giá trị thị trường hiện tại của mua lại, trừ trường hợp Công Ty ghi nhận lợi nhuận từ các Công đồng mua lại lợi nhuận của Cổ Phần từ lợi nhuận của Cổ Phần mà họ nắm giữ. Giá mua lại cho các loại Cổ Phần khác phải không thấp hơn giá trị thị trường, trừ khi có thể thanh toán khác giá của Công Ty và Công đồng.
 - iii. Công Ty có thể mua lại Cổ Phần của một Công đồng theo một Cổ Phần từ một người khác trong Công Ty. Trong trường hợp này, Công Ty phải thông báo về quy định mua lại Cổ Phần từ tất cả các Công đồng trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quy định được phê duyệt. Thông báo phải có các thông tin như tên và住所 Công Ty, tổng số Cổ Phần của Công Ty mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc xác định giá mua, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn các Công đồng phải trả lại Công Ty.
- 15.2 Các Công đồng chấp nhận nghĩa vụ của Công Ty phải trả lợi nhuận của Công Ty trong vòng ba mươi (30) ngày hoặc theo thời hạn nêu trong thông báo của Công Ty kể từ ngày nhận được thông báo về việc mua lại Cổ Phần của Công Ty.

Điểm 16. Thủ tục thanh toán và thủ tục mua lại Cổ Phần

- 16.1 Công Ty sẽ thực hiện việc thanh toán đối với việc mua lại Cổ Phần theo quy định tại Điều 15 và 16 nêu trên cho các Công ty, sau khi hoàn thành việc thanh toán cho các Cổ Phần mua lại, Công Ty vẫn có khả năng mở chi nhánh mới và ngân hàng tài sản khác.
- 16.2 Thủ tục Cổ Phần mua lại theo Điều 14 và 15 nói trên sẽ coi là chi phí quản lý và thuế Cổ Phần quy định chào bán phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác.
- 16.3 Công ty chi phí xác định quy định của Cổ Phần mua lại phải chi tiêu ngay sau khi Cổ Phần ngừng mua lại thanh toán, Chủ tịch HĐQT và TG phải liên hệ chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hết hạn chờ mua lại chi phí chi phí gây ra đối với Công Ty.
- 16.4 Khi thực hiện thanh toán yêu cầu mua lại Cổ Phần, nếu giá trị các tài sản ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn mức 10%, thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ sở hữu trong vòng 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cho Cổ Phần mua lại.

CHƯƠNG VI

CÁC CHỨC VỤ, QUẢN LÝ VÀ KẾ TOÁN

Điểm 17. Chức vụ và Quản lý của Công Ty

Các chức vụ và Quản lý của Công Ty như sau:

- 17.1 **Hội đồng Quản trị**: bao gồm tất cả các Công ty có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty;
- 17.2 **Hội đồng Giám sát**: là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty quyết định, thực hiện các quy định và ngân hàng của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và quy định các công việc khi Hội đồng Giám sát giao. Hội đồng Giám sát chịu trách nhiệm quản lý Công Ty vì các quy định liên quan tới tất cả các Công ty;
- 17.3 **Ban Kiểm soát**: là cơ quan giám sát Hội đồng Giám sát, TG trong việc quản lý và điều hành Công Ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng Giám sát về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ giao;
- 17.4 **Tổng Giám đốc**: là người đi đầu theo pháp luật và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Giám sát, BKS và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Giám sát, trước Pháp luật về việc thực hiện các quy định, nhiệm vụ giao.

CHƯƠNG VII

THÔNG TIN CÔNG TY

Điểm 18. Quy định của Hội đồng Quản trị

- 18.1 Hội đồng Quản trị bao gồm tất cả các Công ty có quyền biểu quyết theo quy định của Điều 18 này.
- 18.2 Hội đồng Quản trị có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:
 - a) Báo cáo tài chính năm và kế toán;
 - b) Báo cáo hoạt động của Hội đồng Giám sát;

- c) Báo cáo hoạt động của BKS;
- d) Báo cáo kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- e) Mục tiêu hoạt động của Công ty;
- f) Chính sách phát triển Công ty và giao HQT tiến hành triển khai thực hiện, tránh hiểu nhầm, HĐQT sẽ không quyết định kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty;
- g) Lợi ích Công ty và tài sản Công ty hoạt động lợi ích quy định chào bán và giao cho HQT quyết định chi tiết các phương án liên quan đến việc phát hành và chào bán Công ty hoặc các loại chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành Công ty của Công ty, các phương án chào bán và/hoặc phát hành (riêng lẻ hoặc ra công chúng), phương án sơ bộ, phương án triển khai, phương án hoán đổi, hay phương án chào bán chung để ký;
- h) Số lượng thành viên của HQT và BKS; Bộ, nhiệm vụ hoặc bổ nhiệm thành viên HQT và BKS;
- i) Chế độ lao động cho HQT và BKS; Báo cáo chế độ lao động của HQT và BKS;
- j) Bổ sung, sa thải viên Công ty, trợ lý nhân sự, bổ sung viên nhân sự nhân viên V nội bộ theo kế hoạch chào bán hoặc do bán thêm Công ty mới trong phạm vi số lượng Công ty quy định chào bán hoặc theo kế hoạch chuyển đổi hoặc hoán đổi các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành Công ty của Công ty để phát hành của Công ty, việc bổ sung, sa thải viên Công ty trong trợ lý nhân sự này sẽ do HQT quyết định;
- k) Xem xét các vi phạm của HQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các Công ty của Công ty;
- l) Mua hoặc bán tài sản hoặc các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan như quy định tại Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp có tính giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính kế toán hàng năm của Công ty;
- m) Mua lại trên 10% tài sản Công ty đã bán của mình;
- n) Tổ chức, giải thể hoặc phá sản Công ty;
- o) Khi cần thiết, HĐQT tự mình hoặc theo xu hướng của HQT, có thể giao lại cho HQT quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công việc thu được quy định của HĐQT quy định tại Điều này;
- p) Xem xét và quyết định các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 19. Chế độ HĐQT

- 19.1 HĐQT thường niên sẽ tổ chức họp định kỳ và phi định kỳ trong thời hạn bốn (4) tháng, hoặc không quá sáu (6) tháng, nếu cần gia hạn các quan hệ ký kinh doanh, kết ngày kết thúc năm tài chính. Chế độ HĐQT thường niên sẽ được triệu tập bởi HQT tại địa điểm thu của Việt Nam do HQT xác định tùy theo thẩm quyền. Chế độ HĐQT thường niên sẽ quy định về các vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này, được biết thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Tổng giám đốc công ty cho Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều hành và điều hành HĐQT hàng năm.
- 19.2 HQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường trong các trường hợp sau:

- i. HQT thực hiện thí điểm cho các lợi ích của Công Ty. Có thể là trợ giúp mà các kỹ thuật viên cho riêng công nhân giúp họ vượt qua các báo cáo kỹ thuật hoặc tình hình tài chính của Công Ty và thông báo với HĐQT;
 - ii. Bằng cách tài chính hàng năm, báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính 6 tháng, hoặc báo cáo tài chính kỹ thuật của năm tài chính chi trả riêng về chi phí huấn luyện nhân viên (1/2) số vốn;
 - iii. Khi sự thành viên HĐQT, thành viên chấp hành HĐQT, KSV ít nhất là một quy định của Pháp luật hoặc sự thành viên HĐQT bằng giám đốc phần ba (1/3) số vốn là quy định của Luật này;
 - iv. Một Công đoàn hoặc nhóm Công nhân tại 9.3 có nhu cầu trợ giúp và giúp đỡ công nhân nêu rõ lý do, mục đích của buổi họp, các ký hiệu các Công đoàn (nếu có thể bao gồm hai bên hoặc nhiều bên cùng với các ký hiệu của các Công đoàn); và
 - v. BKS yêu cầu trợ giúp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại 160 Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT đã hành động có ý định hành động vi phạm quy định cho phép.
- 19.3 HĐQT phải trợ giúp HC trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày sự thành viên HĐQT, thành viên chấp hành HĐQT hoặc KSV còn lại quy định tại khoản 19.2 (iii) hoặc nếu yêu cầu quy định tại 19.2(iv), (v) của điều này. Trợ giúp HĐQT không trợ giúp cho chấp hành HC này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS sẽ trợ giúp cho chấp hành các Công đoàn. Nếu BKS không trợ giúp cho chấp hành, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Công đoàn hoặc nhóm Công nhân quy định tại 9.3 có quyền thay thế HĐQT, BKS sẽ trợ giúp cho chấp hành HC.
- 19.4 Mọi chi phí cần thiết để trợ giúp và tiến hành chấp hành HC sẽ do Công Ty chi trả, tuy nhiên, rõ ràng, các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các Công nhân phải chịu khi tham gia chấp hành HC, kể chi phí nhân viên.

Điều 20. Nghĩa quy định hợp HC

- 20.1 Công nhân là nhân hoặc là Di dân Theo quy định của luật nhân tham gia HC có thể tham gia họp trực tiếp hoặc quy định công nhân cho một (1) hoặc nhiều Nghĩa quy định Hợp (nếu có Pháp luật cho phép) tham gia và biểu quyết nhân danh mình, Công nhân là tổ chức không có Di dân Theo quy định theo quy định tại 8.3 của điều này thì có quyền quy định cho một (1) hoặc nhiều Nghĩa quy định Hợp, nếu có Pháp luật cho phép, tham gia họp HC và nếu Nghĩa quy định Hợp có thể có ý kiến khác nhau về việc cùng một vấn đề chấp hành HC. Nghĩa quy định Hợp không nhất thiết phải là một Công đoàn. Nghĩa quy định Hợp HC không có phép quy định cho người khác, nếu thì không thể hành động quá phạm vi quy định hoặc thể hiện biểu quyết nhân danh chính mình.
- 20.2 Về quy định phải chấp hành thành văn bản theo một mẫu thông dụng hoặc theo mẫu mà HĐQT có thể phê duyệt và:
- i. Trong trợ giúp nghĩa quy định là Công nhân là cá nhân, thì nghĩa quy định phải có chữ ký của Công đoàn và Nghĩa quy định Hợp; và

- ii. Trong trường hợp nghị quyết là Công là tổ chức hoặc là Di sản Theo quy định của Công là tổ chức, thì nghị quyết phải có nội dung (nếu có) hoặc ký bằng văn bản Di sản Theo quy định của pháp luật của Công là tổ chức và Nghị quyết Quy định Điều lệ.
- 20.3. Nghị quyết của hội đồng quản trị của Công ty hoặc của chi nhánh (48) tháng kể từ khi tổ chức họp hoặc họp mà trước đây đã hoãn mà nghị quyết có tên trên văn bản đó phải có mặt đầy đủ. Nghị quyết của Công ty mà cách họp lần trước gửi fax thì văn phòng của Công ty hoặc của chi nhánh hoặc thư điện tử phải nêu rõ nội dung báo cáo quyết định.
- 20.4. Phải bầu ủy ban kiểm tra nội bộ quy định họp trong phạm vi của quy định văn bản nội bộ khi có mặt trong các trường hợp sau đây:
- i. Nghị quyết đã chốt, bị hủy bỏ hoặc mất nội dung hành vi dân sự;
 - ii. Nghị quyết đã hủy bỏ vì quy định;
 - iii. Nghị quyết đã hủy bỏ thẩm quyền của nghị quyết chỉ định ủy ban.
- Ủy ban này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo văn bản trong các sự kiện trên văn bản (48) giờ kể từ khi khai mạc họp Hội đồng hoặc từ khi cuộc họp kết thúc.
- 20.5. Trong trường hợp, tại một cuộc họp Hội đồng, một nghị quyết là (i) Di sản Theo quy định cho nội bộ Công và/hoặc (ii) Nghị quyết Quy định Điều lệ của nội bộ Công và/hoặc Di sản Theo quy định của Công, thì nghị quyết có thể phải bầu ủy ban kiểm tra theo những ý kiến khác nhau dựa trên các chất khác nhau của các Công và/hoặc các Di sản Theo quy định đã chốt như là Nghị quyết Quy định Điều lệ hoặc Di sản Theo quy định. Tuy nhiên, nếu nghị quyết yêu cầu bầu nghị quyết, Công ty sẽ phải bầu nghị quyết và các tài liệu khác tại cuộc họp của Hội đồng.

Điều 21. Thay đổi các quy định

- 21.1. Các Nghị quyết của Hội đồng về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định bất thành văn bản của Công ty phải có mặt khi Hội đồng nắm giữ ít nhất 65% Công ty. Phải thông qua họp thông qua, nghị quyết của Hội đồng nắm giữ ít nhất 65% quy định bầu ủy ban kiểm tra của Hội đồng. Ủy ban này nói trên bầu ủy ban kiểm tra thông qua.
- 21.2. Việc tổ chức một cuộc họp của các Hội đồng nắm giữ một phần của Hội đồng phải thông qua việc thay đổi quy định nêu trên có giá trị khi có tại hai (2) Công (hoặc Di sản Theo quy định của họ) và nắm giữ tại thời điểm phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phiếu đã phát hành. Trường hợp không có sự đồng thuận nêu trên thì cuộc họp tổ chức hợp lệ trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những nghị quyết nắm giữ cổ phiếu (không phải thu vào sổ đăng ký và sổ thành phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Di sản Theo quy định của họ sẽ có giá trị. Mọi yêu cầu của Hội đồng nắm giữ Công ty phải nêu trên, những nghị quyết nắm giữ cổ phiếu có mặt trực tiếp hoặc qua nghị quyết dân sự có thể yêu cầu phải kín. Mọi phần cùng loại có quy định bầu ủy ban kiểm tra khác nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 21.3 Th t c t i n hành các cu c h p H C riêng bi t nh v y c th chi n t ng t v i các quy nh t i i u L này.
- 21.4 Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo ic ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n v i c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công Ty s không b thay i khi Công Ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 22. Tri u t p h p H C , Ch ng trình và Thông báo h p H C

- 22.1 Cu c h p H C s c tri u t p b i H QT, tr khi quy nh c a i u 19.3 i u L này c áp d ng.
- 22.2 Ng i tri u t p cu c h p H C s ph i th chi n các công vi c sau:
- i. Chu n b danh sách các C ông t cách tham gia và bi u quy t t i i h i không s m h n m i (10) ngày tr c ngày g i gi y m i h p H C ; ch ng trình h p và các tài li u c n thi t theo quy nh Pháp Lu t và i u L này;
 - ii. Cung c p thông tin và gi i quy t khi u n i liên quan n danh sách C ông;
 - iii. L p ch ng trình và n i dung cu c h p;
 - iv. Chu n b tài li u cho cu c h p;
 - v. D th o Ngh quy t c a H C theo n i dung đ ki n c a cu c h p, danh sách và thông tin chi ti t c a các úng c viên trong tr ng h p b u thành viên H QT, KSV;
 - vi. Xác nh n th i gian và a i m h p; và
 - vii. Thông báo và g i thông báo m i h p H C cho t t c các C ông có quy n d h p.
- 22.3 Thông báo m i h p H C ph i có tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p; tên, a ch th ng trú c a C ông, th i gian, a i m h p và nh ng yêu c u khác i v i ng i d h p. Thông báo c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch liên l c c a C ông ghi trong danh sách C ông có quy n d h p, ng th i ng trên trang thông tin i n t c a Công Ty ch m nh t m i (10) ngày tr c ngày ti n hành cu c h p H C .
- Các tài li u h p kèm thông báo m i h p H C s c ng t i trên trang thông tin i n t c a Công Ty bao g m: (i) Ch ng trình h p, các tài li u s d ng trong cu c h p và đ th o Ngh quy t i v i t ng v n trong ch ng trình h p; (ii) Phi u bi u quy t; và (iii) M u ch nh i đi n theo y quy n d h p. Thông báo m i h p H C c g i t i các C ông nh quy nh t i Kho n này s ghi rõ n i và cách th c t i tài li u h p. Công Ty s g i tài li u h p cho C ông n u C ông yêu c u.
- 22.4 Các C ông ho c nhóm C ông c quy nh t i i u 9.3 c a i u L này có quy n ngh các v n c n c a vào ch ng trình h p H C . Ngh ph i c làm thành v n b n và g i t i Công Ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c. Ngh ph i có tên c a C ông, s l ng và lo i C Ph n n m gi và các v n ki n ngh a vào ch ng trình h p.
- 22.5 Ng i tri u t p cu c h p H C có quy n t ch i các ngh theo i u 22.4 n u:
- i. Ngh không c g i n úng h n, không , không úng n i dung;

- ii. Vào thời điểm xuất, Công hoc nhóm Công không có ít nhất 10% C Ph n ph thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng theo quy định tại điều 9.3;
 - iii. Ngh không bao gồm các thông tin cụ thể; và
 - iv. Văn kiện ngh không thu c th m quy n c a H C th o lu n và thông qua ngh quy t.
- 22.6 H QT ph i so n th o d th o Ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p;
- 22.7 Tr ng h p t t c Công i di n 100% s C Ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c thông qua i Di n c y Quy n t i H C , nh ng Ngh quy t c H C nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p H C không theo úng th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

đ u 23. i u ki n tri u t p và th th c ti n hành h p H C

- 23.1 Cu c h p H C s do Ch t ch H QT làm ch t a. Tr ng h p Ch t ch H QT v ng m t thì Phó Ch t ch H QT ho c ng i c H C b u r a s ch trì cu c h p. Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì cu c h p H C , thành viên H QT ch c v cao nh t có m t s t ch ch p b u r a Ch t a c a cu c h p H C , Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H QT. Ch t ch, Phó Ch t ch ho c Ch t a c H C b u r a c m th o c m t s th ký l p biên b n cu c h p HDC . Tr ng h p không b u c ng i làm ch t a thì Tr ng BKS i u khi n H C b u ch t a cu c h p và ng i có s phi u b u cao nh t làm ch t a cu c h p H C . Trong các tr ng h p khác, ng i ký tên tri u t p h p H C i u khi n H C b u Ch t a cu c h p và ng i có phi u b u cao nh t c c làm Ch t a cu c h p H C . Tr ng h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b .
- 23.2 Cu c h p H C c coi là tri u t p h p l khi có s Công i di n cho ít nh t 51% t ng s C Ph n có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua Ng i c y Quy n D H p. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t, cu c h p H C ph i tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c cu c h p H C l n th nh t. Cu c h p H C tri u t p l i ch c ti n hành khi có s Công i di n cho ít nh t 33% t ng s C Ph n có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua Ng i c y Quy n D H p. Tr ng h p cu c h p H C l n th hai không c ti n hành do không s i bi u c n thi t trong vòng sáu m i (60) phút k t th i i m n nh khai m c cu c h p, cu c h p H C l n th ba ph i có th c tri u t p l i trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh t ch c cu c h p H C l n th hai và trong tr ng h p này cu c h p c ti n hành không ph thu c vào s l ng Công hoc hay Ng i c y Quy n D H p tham d và c c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà cu c h p H C l n th nh t có th phê chu n.
- 23.3 Cu c h p H C có th bao g m hình th c h i ngh gi a các Công, trong ó m t s ho c t t c Công ang nh ng a i m khác nhau, v i i u ki n là nh ng ng i này ph i:
- i. Có kh n ng nghe c nh ng ng i khác tham d phát bi u t i cu c h p; và

- ii. Có khả năng giao tiếp với tất cả các Công đồng khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua internet hoặc hình thức thông tin liên lạc khác. Mọi Công đồng tham gia vào buổi họp sẽ xác nhận là “có mặt” tại buổi họp của Công đồng đó xác nhận vì có bằng chứng cá nhân, bao gồm chữ ký internet.

23.4 Thủ tục tiến hành họp:

- i. Vào ngày tổ chức họp HĐQT, Công Ty phải thông báo cho các Công đồng có quyền dự họp có mặt ngay khi họp.
- ii. Khi tiến hành họp Công đồng, Công Ty sẽ cho Công đồng, Giám đốc Theo y Quy định hoặc Nghị quyết Quy định Điều lệ, tùy theo trình tự, có quyền biểu quyết một đề nghị biểu quyết, trên đó có ghi số phiếu, họ và tên của Công đồng, họ và tên Giám đốc Theo y Quy định hoặc Nghị quyết Quy định Điều lệ và số phiếu biểu quyết của Công đồng đó. Đề nghị biểu quyết có thể mã hóa để bảo vệ tính kín đáo của nội dung. Trường hợp HĐQT thông qua đề nghị biểu quyết khác, khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số phiếu được quy định thu trước, số phiếu nhận được quy định thu sau, cùng một số phiếu tán thành hay phản đối quy định. Tổng số phiếu được nhận, phần ứng viên hoặc phiếu rút ra, sẽ được Công đồng thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết xong. HĐQT sẽ chọn trong số ứng cử viên để chịu trách nhiệm kiểm tra hoặc giám sát kiểm tra và nếu HĐQT không chọn thì Công đồng sẽ chọn người khác. Số thành viên của ban kiểm tra tối thiểu là ba (3) người. Công đồng tham dự cuộc họp HĐQT nếu có quyền biểu quyết và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp. Công đồng không có trách nhiệm dự họp cho Công đồng nếu không biểu quyết và nếu không có mặt thì Công đồng nếu không tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- iii. Quy định của Công đồng và trình tự, thủ tục hoặc các sắc lệnh phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp HĐQT sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- iv. Công đồng có thể hoãn họp nếu khi có sự bất đồng về yêu cầu của HĐQT đã có sự đồng ý của đa số thành viên.
- v. Trường hợp Công đồng hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp HĐQT trái với quy định tại khoản 23.4(iv) của Điều lệ này, HĐQT sẽ họp ngay lập tức để bầu thành viên thay thế Công đồng tại cuộc họp cho đến lúc kết thúc và nếu có các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- vi. Công đồng hoặc Thủ quỹ cuộc họp HĐQT có thể tiến hành các hoạt động mà họ yêu cầu chỉ tại cuộc họp HĐQT một cách hợp lệ và có trọng tài; hoặc cuộc họp HĐQT phải chấp hành theo mong muốn của các Công đồng tham dự. Toàn thể cuộc họp HĐQT có thể kết thúc khi Công đồng xét yêu cầu, bao gồm một số thành viên HĐQT và Giám đốc Điều hành Doanh Nghiệp của Công Ty do Công đồng chấp thuận. Toàn thể cuộc họp HĐQT sẽ công bố nội dung và tiến hành cuộc họp HĐQT của Công đồng.
- vii. HĐQT có thể yêu cầu các Công đồng hoặc Giám đốc Theo y Quy định Điều lệ tham dự HĐQT để kiểm tra hoặc các biện pháp

an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có Công đồng hoặc Hội Di sản Theo lý Quy định hoặc Nghị quyết Quy định Hợp không chịu tuân thủ những quy định và kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể chấp thuận hoặc từ chối Công đồng hoặc Hội Di sản nói trên tham gia cuộc họp HĐQT.

viii. Sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, HĐQT có thể tiến hành các biện pháp cho là thích hợp:

- a. Mời chủ nhân sở hữu có mặt tại đại hội chính hợp HĐQT;
- b. Bảo đảm toàn bộ thông tin có mặt tại đại hội;
- c. Mời mời khách mời Công đồng tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp HĐQT.

HQĐT có toàn quyền thay thế những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức khác.

ix. Trong trường hợp tại cuộc họp HĐQT có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng cuộc họp HĐQT sẽ tiến hành tại đại hội ghi trong thông báo và Chẩn đoán cuộc họp HĐQT sẽ có mặt tại đó (“**đại hội chính của đại hội**”);
- b. Bất cứ, tất cả những Công đồng hoặc Hội Di sản Theo lý Quy định hoặc Nghị quyết Quy định Hợp không chấp hành theo điều khoản này hoặc những người mời tham dự đại hội khác vì đại hội chính của cuộc họp HĐQT có thể ngừng tham dự cuộc họp HĐQT.

Thông báo về việc chấp hành cuộc họp HĐQT không cần nêu chi tiết những biện pháp thực hiện theo điều L này.

x. Trong điều L này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mời Công đồng sẽ coi là tham dự đại hội đại hội chính của đại hội.

xi. Hàng năm Công Ty phải thực hiện ít nhất một (1) lần. HĐQT thường niên không cần thực hiện hình thức lý do ký kết bản ghi nhớ.

23.5 Ngoài các trường hợp quy định nêu trên, Công đồng sẽ coi là tham dự và bị quy tắc tại cuộc họp HĐQT phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và điều L này trong trường hợp Công đồng bỏ phiếu thông qua hình thức bỏ phiếu internet.

Điều 24. Thông qua Nghị quyết của HĐQT

24.1 HĐQT thông qua nghị quyết bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp của HĐQT hoặc lý do ký kết các Công đồng bỏ phiếu.

- i. Trường hợp quy định tại các Khoản (ii) đây, các quy định của HĐQT sẽ thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các Công đồng có quyền bỏ phiếu có mặt tại họp hoặc thông qua Hội Di sản Theo lý Quy định hoặc Nghị quyết Quy định Hợp có mặt tại HĐQT (trong trường hợp thực hiện trực tiếp) hoặc ít nhất 51% số phiếu bầu của các Công đồng có quyền bỏ phiếu chấp thuận (nếu trường hợp lý do ký kết Công đồng bỏ phiếu).
- ii. Các quy định của HĐQT liên quan đến các vấn đề này sẽ thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Công đồng có quyền bỏ phiếu

có mặt trực tiếp hoặc thông qua Hội đồng Theo quy định hoặc Nghị quyết của Hội đồng có mặt từ 1/3 số thành viên (trong trường hợp tập thể) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các Chủ tịch có quyền biểu quyết chấp thuận (nếu trong trường hợp lý kiến Chủ tịch bầu mới).

- a. Loại Công nhân và số lượng Công nhân cần tuyển;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cấu trúc quản lý của Công Ty;
- d. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty; và
- f. Tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty.

24.2 Nghị quyết của Hội đồng được thông qua theo hình thức lý kiến bầu mới có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng.

24.3 Thủ tục thông qua Nghị quyết của Hội đồng:

- i. Trong trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: Công Ty sẽ phát cho từng Chủ tịch một Thẻ biểu quyết có số ký và tên của Chủ tịch, cùng với số Công nhân biểu quyết của Chủ tịch đó. Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể thực hiện bằng phương pháp máy tính hoặc bằng hình thức lý kiến hoặc biểu quyết trực tiếp. Chủ tịch có thể ghi danh sách Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu của Hội đồng thông qua tại cuộc họp. Thủ tục thực hiện hành động và biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng sẽ theo quy định tại Quy chế thực hành và hoạt động của cuộc họp của Hội đồng thông qua.
- ii. Không phụ thuộc vào Điều 145 Luật Doanh Nghiệp, trong trường hợp phê duyệt thông qua các Nghị quyết bằng hình thức lý kiến bầu mới, Chủ tịch HĐQT thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định các văn bản lý kiến, hình thức và nội dung phiếu lý kiến (phiếu lý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty, (ii) mục đích lý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ, ngành nghề, quốc tịch, số Thẻ công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Chủ tịch là cá nhân; tên, địa chỉ, ngành nghề, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Chủ tịch hoặc Hội đồng Theo quy định của Chủ tịch là pháp nhân hoặc tập thể; số lượng Công nhân cần tuyển và số phiếu biểu quyết của Chủ tịch; (iv) văn bản lý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn ký kiến cho Công Ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc, người đi diễn theo pháp luật của Công Ty).
 - b. Gửi phiếu lý kiến bằng phương thức báo mạng hoặc cách liên lạc của Chủ tịch ghi trong danh sách Chủ tịch có quyền lý kiến bầu mới bằng hình thức đăng trên trang thông tin internet của Công Ty chậm nhất là (10) ngày trước thời hạn phải gửi phiếu lý kiến. Các tài liệu kèm theo phiếu lý kiến sẽ đăng tải trên trang thông tin internet của Công Ty bao

- g m: (i) D th o Ngh quy t c a H C ; (ii) Các tài li u gi i trình d th o Ngh quy t c a H C . Phi u l y ý ki n c g i t i các C ông nh quy nh t i Kho n này s ghi rõ n i và cách th c t i tài li u. Công Ty s g i tài li u kèm theo phi u l y ý ki n cho C ông n u C ông yêu c u.
- c. C ông có th g i phi u l y ý ki n ã tr l i v Công Ty theo m t trong các hình th c sau ây:
- G i th : Phi u l y ý ki n ã c tr l i phi có ch ký c a C ông là cá nhân, c a ng i i đi n theo y quy n ho c ng i i đi n theo pháp lu t c a C ông là pháp nhân ho c t ch c. Phi u l y ý ki n ã tr l i phi i c trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u. Các phi u l y ý ki n g i v Công Ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n, b s a ch a, t y xóa, ánh d u, thêm ký hi u ho c ã b m u không h p l ;
 - G i fax ho c th i n t ng ký chính th c c a Công Ty: Phi u l y ý ki n g i v Công Ty qua fax ho c th i n t phi c gi bí m t n th i i m ki m phi u.
- d. Ch t ch H QT, T ng Giám c, ho c m t ho c m t s thành viên H QT c Ch t ch H QT y quy n/phân công t i n hành ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s giám sát c a i đi n BKS ho c c a C ông không n m gi ch c v qu n lý Công Ty; ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.
- e. Biên b n k t qu ki m phi u ph i c công b trên trang thông tin i n t c a Công Ty trong th i h n hai m i t (24) gi k t ngày k t thúc ki m phi u.
- f. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n Ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u phi c l u gi t i tr s ch nh c a Công Ty.
- iii. Vi c ki m phi u bi u quy t theo hình, th c h p tr c t i p ho c l y ý ki n b ng v n b n có th c th c hi n b ng ph n m m máy tính.

i u 25. Biên b n cu c h p H C

- 25.1 Cu c h p H C phi c ghi biên b n và có th ghi âm ho c ghi và l u gi d i hình th c i n t khác tùy thu c vào quy t nh c a H C t i t ng th i i m. Biên b n phi có các thông tin c b n sau:
- i. Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p c a Công Ty;
 - ii. Th i gian và a i m h p H C ;
 - iii. Ch ng trình và n i dung cu c h p H C ;
 - iv. Ch t a và th ký;
 - v. Tóm t t đi n bi n và các ý ki n nêu ra t i cu c h p H C ;

- vi. S C ồng và t ng s phi u c a các C ồng có m t t i cu c h p, ph l c danh sách ng ký C ồng, i di n C ồng d h p v i s c ph n và s phi u b u t ng ng;
- vii. T ng s phi u bi u quy t cho t ng v n bi u quy t, trong ó ghi rõ ph ng th c, t ng s phi u h p l , không h p l , tán thành, không tán thành và không có ý ki n; t l t ng ng trên t ng s phi u bi u quy t c a C ồng d h p;
- viii. Các v n ã c thông qua và t l phi u bi u quy t thông qua t ng ng;
- ix. Tên y , ch ký c a Ch t a và th ký.

25.2 Ch t a cu c h p H C phi ch u trách nhi m l p biên b n h p. Biên b n h p H C phi c l p xong và thông qua tr c khi k t thúc cu c h p. Ch t a và th ký cu c h p phi ch u trách nhi m liên i v tính trung th c, chính xác c a n i dung biên b n. Biên b n h p H C phi c công b trên trang thông tin i n t c a Công Ty trong th i h n hai m i b n (24) gi k t ngày cu c h p H C k t thúc. Biên b n h p H C c coi là b ng ch ng v các n i dung c a cu c h p, ngo i tr có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra m t cách h p l trong vòng m i (10) ngày k t ngày công b biên b n. Biên b n phi c làm b ng t i ng Vi t (trong tr ng h p c n thi t có th c l p ho c/và d ch sang t i ng n c ngoài) có y ch ký c a Ch t a và th ký cu c h p và c so n th o phù h p v i quy nh c a Lu t Doanh Nghi p và i u L này. Tr ng h p có s khác nhau gi a n i dung b n t i ng Vi t và t i ng n c ngoài thì n i dung trong b n t i ng Vi t c u tiên áp d ng. Biên b n, các ghi chép, s ký nh n c a các C ồng và i di n y quy n c a h tham d bu i h p phi c l u gi t i tr s c a Công Ty.

i u 26. Yêu c u h y b Ngh quy t c a H C

Trong th i h n chín m i (90) ngày k t ngày biên b n h p H C ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n H C c ng t i trên trang thông tin i n t c a Công Ty, C ồng ho c nhóm C ồng quy nh t i i u 10.3 c a i u L này có quy n yêu c u Tòa án ho c Tr ng tài xem xét, h y b Ngh quy t c a H C phù h p v i quy nh c a i u 147 Lu t Doanh Nghi p. Trong tr ng h p này các Ngh quy t c a H C v n có hi u l c thi hành cho n khi Tòa án, Tr ng tài có quy t nh khác, tr tr ng h p áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i theo quy t nh c a c quan có th m quy n.

Tr ng h p Ngh quy t c a H C b h y b theo quy t nh c a Tòa án ho c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p H C b h y b có th xem xét t ch c l i cu c h p H C trong vòng ba m i (30) ngày theo trình t , th t c quy nh t i Lu t Doanh Nghi p và i u L này.

CH NG VIII

H I NG QU N TR

i u 27. Thành ph n và nhi m k

27.1 S thành viên c a H QT ít nh t là n m (05) ng i và không nhi u h n m i m t (11) ng i. Thành viên c a H QT không nh t thi t phi là C ồng c a Công Ty ho c có qu c t ch Vi t Nam ho c c trú t i Vi t Nam và c n áp ng các tiêu chu n, i u ki n

quy định tại Điều 151 Luật Doanh Nghiệp. Nhiệm vụ của HĐQT là năm (5) năm. Tổng số thành viên HĐQT tối đa không vượt quá ba phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.

- 27.2 Việc bầu quy định thành viên HĐQT phải thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, tùy theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
- 27.3 Thành viên của HĐQT có thể bị miễn nhiệm không hạn chế. Nếu một thành viên của HĐQT không hoàn thành công việc của mình vì một lý do nào đó, thì HĐQT có thể báo cáo với Hội đồng Giám đốc HĐQT để thông báo và thay thế.
- 27.4 Trường hợp thành viên của HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Nếu thành viên có vi phạm quy định nào của Luật Doanh Nghiệp hoặc Pháp luật khác làm thành viên HĐQT;
 - Nếu thành viên có vi phạm nghiêm trọng thông tin báo cáo và vi phạm các quy định của Công ty;
 - Nếu thành viên có bất ổn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có nhu cầu bổ sung chuyên môn cho thành viên không còn năng lực hành vi;
 - Nếu thành viên có trong vòng sáu (6) tháng liên tiếp, vắng mặt mà không có sự cho phép của HĐQT trong các cuộc họp HĐQT và HĐQT đã phân quyền cho các vị khác;
 - Bất nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của HĐQT; hoặc
 - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi ghi cho Công ty với cách là thành viên thành viên HĐQT.
- 27.5 Việc bầu các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ và thủ tục kế toán.

Điều 28. Quy định và trách nhiệm của HĐQT

- 28.1 HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quy định, thực hiện các quy định và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc/và quy định các công việc khi cần HĐQT giao.
- 28.2 HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc và các Giám đốc Điều hành Doanh Nghiệp khác.
- 28.3 Quy định và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy định của HĐQT. Chức năng, HĐQT có thể quy định quy định các vấn đề sau:
- Chỉ định, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và vị trí của công ty, thay thế kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty khi xét thấy cần thiết cho phù hợp với thị trường;
 - Chào bán và/hoặc phát hành Cổ phiếu mới hoặc các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hay hoán đổi thành Cổ phiếu của Công ty trong phạm vi số Cổ phiếu được quy định chào bán của Công ty theo quy định của HĐQT;
 - Phát hành và chào bán các loại trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo thẩm quyền quy định của Điều lệ này, Pháp luật, công ty theo quy định khác của HĐQT;
 - Huy động vốn dưới các hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - Giá chào bán của Công ty, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;

- vi. Mua l i không quá m i ph n tr m (10%) t ng s C Ph n c a t ng lo i ã c chào bán trong 12 tháng;
 - vii. u t ho c bán tài s n ho c các h p ng, giao d ch v i các i t ng có liên quan nh c quy nh t i i u 162 c a Lu t Doanh Nghi p có giá tr d i 35% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính ki m toán g n nh t c a Công Ty;
 - viii. Gi i pháp phát tri n th tr ng, ti p th và công ngh ;
 - ix. Thông qua h p ng mua, bán, vay, cho vay, c m c , th ch p, b o lãnh, giao d ch b o m ho c b i th ng và các h p ng khác có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính ki m toán g n nh t c a Công Ty, tr các h p ng, giao d ch quy nh t i kho n 28.3.vii nêu trên và thu c th m quy n quy t nh c a H C ;
 - x. B u, mi n nhi m, bãi nhi m Ch t ch H i ng qu n tr ; b nhi m, mi n nhi m, ký h p ng, ch m d th p ng i v i T ng giám c, Giám c i u hành V n hành; Giám c tài chính; Phó T ng Giám c, K toán tr ng và các ch c danh qu n lý khác mà H QT xét th y c n thi t;
 - xi. C c u t ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công Ty ho c/và phân c p, giao cho Ch t ch H QT, TG ho c Ng i i u Hành Doanh Nghi p khác quy t nh;
 - xii. Thành l p Công Ty Con và quy t nh các v n có liên quan; quy t nh các giao ch c a Công Ty Con do Công Ty là Ch s h u ho c ki m soát;
 - xiii. L p chi nhánh, v n phòng i đi n và quy t nh các v n liên quan;
 - xiv. Góp v n, mua c ph n c a các doanh nghi p khác ho c/và phân c p, giao cho Ch t ch H QT, TG ho c Ng i i u Hành Doanh Nghi p khác quy t nh;
 - xv. C ng i i đi n theo y quy n th c hi n quy n s h u c ph n ho c ph n v n góp doanh nghi p khác, quy t nh m c thù lao và l i ích khác c a nh ng ng i ho c/và phân c p, giao cho Ch t ch H QT, TG ho c Ng i i u Hành Doanh Nghi p khác quy t nh;
 - xvi. Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p H C , tri u t p h p H C ho c l y ý ki n H C thông qua quy t nh ho c/và phân c p giao cho Ch t ch H QT, TG ho c Ng i i u Hành Doanh Nghi p quy t nh;
 - xvii. Trình báo cáo quy t toán tài chính hàng n m lên H C ;
 - xviii. xu t m c c t c c tr ; xác nh m c c t c t m th i; t ch c vi c chi tr c t c; quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý l phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - xix. xu t vi c t ch c l i, gi i th ho c yêu c u phá s n Công Ty;
 - xx. nh giá tài s n óng góp vào Công Ty không ph i b ng t i n liên quan n vi c phát hành c phi u ho c trái phi u c a Công Ty, bao g m c vàng, quy n s d ng t, quy n s h u trí tu , công ngh và bí quy t công ngh ;
 - xxi. Các quy n và nhi m v khác theo quy nh c a i u L này, Pháp Lu t và quy t nh c a H C .
- 28.4 H QT ph i báo cáo H C v các ho t ng c a mình, c bi t v các ho t ng giám sát i v i TG và các Ng i i u Hành Doanh Nghi p trong n m tài chính. Tr ng h p H QT không trình báo cáo cho H C , báo cáo tài chính hàng n m c a Công Ty s b coi là không có giá tr và ch a c H C thông qua.

- 28.5 HQT có thể thành lập các tiểu ban hoặc thành viên HQT phân trách riêng việc quản lý hoạt động của HQT, bao gồm: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban logistics và các tiểu ban đặc biệt khác (nếu cần thiết, theo toàn quyền quyết định của HQT).
- 28.6 HQT có thể giao, phân công hoặc ủy quyền cho TG và NG viên Hành Doanh Nghiệp khác hoặc bất kỳ cá nhân nào khác quyết định, ký kết các tài liệu và thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của HQT quy định tại Điều 28.3 của Điều lệ này với điều kiện không vi phạm điều cấm của Pháp luật.
- 28.7 Các thành viên của HQT có thể chuyển giao cho các thực thể khác công việc phù hợp với quyền hạn của HĐQT.

Điều 29. Chức danh, Phó Chức danh và Thành viên của HQT

- 29.1 HQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên của mình Ủy ban Giám sát và Kiểm soát HQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên HQT giám sát và Phó Chức danh (nếu thấy cần thiết).
- 29.2 Chức danh HQT có trách nhiệm trực tiếp và chuyển giao cho HĐQT và các buổi họp của HQT và có các quy định và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- Trong trường hợp Phó Chức danh ủy quyền, Phó Chức danh có các quyền và nghĩa vụ như Chức danh trong trường hợp Chức danh đã thông báo cho HQT rằng mình vắng mặt hoặc phi vắng mặt (vắng mặt có nghĩa là không có mặt tại trụ sở chính của Công Ty hoặc không có mặt tại phòng làm việc của mình tại trụ sở chính của Công Ty), vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chức danh không chọn Phó Chức danh hành nghề thay, các thành viên còn lại của HQT sẽ chọn Phó Chức danh. Trường hợp Phó Chức danh và Phó Chức danh tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HQT có thể bổ nhiệm một cá nhân khác trong số những thực thể thực hiện nhiệm vụ của Chức danh theo nguyên tắc atas quá bán.
- 29.3 Chức danh HQT phải có trách nhiệm làm báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HQT cho các Công ty Cổ phần.
- 29.4 Chức danh HQT có thể bãi miễn theo quyết định của HQT. Trường hợp Chức danh thực hiện hoặc bãi miễn, HQT phải thông báo thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày thực hiện hoặc bãi miễn.
- 29.5 Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chức danh HQT có thể ủy quyền theo yêu cầu hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chức danh HQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chức danh HQT và thực hiện một số các quy định, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chức danh HQT. Phó Chức danh HQT có thể ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chức danh HQT về việc thực hiện các công việc ủy quyền.

Điều 30. Nghĩa vụ trách nhiệm của Công Ty

- 30.1 HQT chịu trách nhiệm (01) nghĩa vụ làm nghĩa vụ trách nhiệm của Công Ty (“**Nghĩa vụ Trách nhiệm**”) hoạt động của Công Ty theo các tiêu hành m t cách

có hiệu lực. Nhiệm vụ của Nghị quyết này do Hội đồng Quản trị quy định, thời hạn là năm (05) năm.

30.2. Nghị quyết này áp dụng các tiêu chuẩn sau:

- i. Có hiệu lực pháp luật;
- ii. Không có nghĩa là làm việc cho công ty kế toán công lập đang thực hiện kế toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- iii. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quy định của Hội đồng Quản trị.

30.3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Nghị quyết này khi cần nhưng không trái với các quy định của Pháp luật hiện hành và lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm trợ lý Nghị quyết này tùy tình hình.

30.4. Nghị quyết này có các quy định và nghĩa vụ sau:

- i. Thành viên Hội đồng Quản trị trong vị trí chấp hành Hội đồng Quản trị theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Công đồng;
- ii. Chịu trách nhiệm các công việc Hội đồng Quản trị, BKS và Hội đồng Quản trị theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc BKS;
- iii. Thành viên và thành viên chấp hành các công việc;
- iv. Tham dự các công việc;
- v. Thành viên chấp hành các quy định của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;
- vi. Cung cấp các thông tin tài chính, báo cáo biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và KSV;
- vii. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- viii. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;
- ix. Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Điều 31. Cấu trúc Hội đồng Quản trị

31.1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bổ nhiệm thành viên chấp hành ưu tiên các nhiệm vụ Hội đồng Quản trị bổ nhiệm thành viên và ra các quy định khác theo thẩm quyền phê duyệt tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc buổi Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cấu trúc này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất trực tiếp. Trường hợp có nhiều hơn một (1) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số tương đối trong số trực tiếp Hội đồng Quản trị.

31.2. Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trực tiếp các công việc Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước khi bắt đầu công việc. Sau đó, Thành viên có thể trực tiếp vào bất kỳ thời điểm nào mà Thành viên cho là cần thiết, nhưng ít nhất mười ngày trước khi họp mặt (1) lần.

31.3. Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp công việc bổ nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp công việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ngay lập tức khi có mặt trong những ngày sau đây yêu cầu bổ nhiệm và ra quyết định và nội dung các văn bản nội bộ như sau:

- i. Ban kiểm soát hoặc Thành viên chấp hành Hội đồng Quản trị;
- ii. Tổng hoặc ít nhất năm (5) Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

- iii. Ít nhất hai (2) thành viên i u hành c a H QT.
- 31.4 Các cu c h p H QT quy nh t i i u 32.3 ph i c ti n hành trong th i h n b y (07) ngày k t ngày nh n c yêu c u h p H QT. N u Ch t ch không tri u t p h p thì ng i yêu c u t i kho n 31.3 i u này có quy n t mình tri u t p h p H QT.
- 31.5 Theo yêu c u c a các ki m toán viên c l p, Ch t ch H QT ph i tri u t p h p H QT bàn b c v báo cáo ki m toán và tình hình c a Công Ty.
- 31.6 a i m h p. Cu c h p H QT c t ch c t i Tr s chính của Công Ty ho c t i m t a i m khác trong lãnh th Vi t Nam, ho c v i s ng ý c a H QT, ngoài lãnh th Vi t Nam theo ch nh c a Ch t ch H QT và c s nh t tríc a H QT.
- 31.7 Thông báo và Ch ng trình h p. Thông báo h p H QT ho c ng i tri u t p h p H QT ph i c g i tr c cho các thành viên H QT và các KSV ít nh t n m (5) ngày tr c khi t ch c h p, các thành viên H QT có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n và vi c t ch i này có th có hi u l c h i t . Thông báo tri u t p h p H QT ph i c l p thành v n b n b ng ti ng Vi t và ph i thông báo y v ch ng trình, th i gian, a i m h p, kèm theo các tài li u c n thi t v các v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p và các phi u bi u quy t cho các thành viên không th tham d cu c h p. Thông báo m i h p c g i b ng b u i n, fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch c a t ng thành viên H QT và KSV c ng ký t i Công Ty.
- 31.8 S thành viên tham d t i thi u. Cu c h p ch có th c ti n hành và thông qua các ngh quy t khi có t ba ph n t (3/4) t ng s thành viên c a H QT có m t tr c ti p ho c thông qua thành viên thay th . Tr ng h p không s thành viên d h p theo quy nh, cu c h p ph i c tri u t p l i trong th i h n b y (07) ngày k t ngày d nh h p l n th nh t. Cu c h p tri u t p l i c ti n hành n u có h n m t n a (1/2) s thành viên H QT d h p.
- 31.9 Bi u quy t
 - i. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 31.9 (ii) i u này, m i thành viên H QT ho c ng i thay th thành viên H QT và các ng i c y quy n tham d h p s có m t (1) phi u bi u quy t.
 - ii. Thành viên c a H QT không bi u quy t v b t k h p ng hay th a thu n ho c xu t nào mà có quy n l i c a thành viên ó, ho c liên quan t i các ngh a v c a thành viên ó mà xung t ho c có th xung t v i l i ích c a Công Ty. Thành viên H QT s không c tính vào s i bi u t i thi u có m t t i bu i h p n u ngh quy t thông qua t i cu c h p là v v n mà thành viên ó không c phép bi u quy t.
 - iii. Theo quy nh t i kho n 31.9 (iv) i u này, n u có b t k v n nào phát sinh t i cu c h p có liên quan n l i ích c a thành viên H QT ho c liên quan t i quy n bi u quy t c a thành viên H QT và v n ó không c gi i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H QT, v n ó s c chuy n t i Ch t a cu c h p và quy t ngh c a Ch t a s là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H QT liên quan ch a c công b m t cách thích áng.
 - iv. B t k thành viên H QT nào liên quan t i h p ng theo quy nh t i i u 36.4 c a i u L này s c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó.

31.10 Công khai lợi ích

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp chiếm giữ ít nhất một phần giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và bản thân mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét và ký kết hợp đồng giao dịch này. Trưởng ban thành viên HĐQT không bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp, giao dịch đã ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tới cuộc họp đầu tiên của HĐQT để chờ sau khi thành viên đó bản thân mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc họp liên quan.

31.11 Bị quy tắc

HQĐT sẽ thông qua và ra Nghị quyết theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp trừ trường hợp bất kỳ một TG nào quy định tại Điều 34.5 của Điều L này. Trưởng ban phi vụ tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

31.12 Việc bỏ phiếu của người vắng mặt

Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể bỏ phiếu quyết định nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, điện tử. Nếu người bỏ phiếu vắng mặt phi vật lý gửi tới Chủ tịch hoặc người không gửi tới Chủ tịch thì gửi cho Chủ tịch hoặc Chủ tịch, nếu người bỏ phiếu thông qua fax, điện tử phải gửi kèm theo chính thức cho công sở fax chính thức của Công Ty ít nhất một (1) tiếng trước thời gian quyết định cuối cùng.

31.13 Hợp thông qua miễn trừ hoặc hình thức khác

Cuộc họp HĐQT có thể diễn ra theo hình thức họp qua điện thoại, trong đó một số hoặc tất cả thành viên tham gia miễn trừ khác nhau về địa điểm là thành viên HĐQT tham gia có thể:

- i. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- ii. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách riêng lẻ.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc hình thức thông tin liên lạc khác (có thể bằng văn bản hoặc khi thông qua Điều L này hoặc phát triển sau này) hoặc kết hợp các hình thức khác nhau. Theo Điều L này, từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp đó sẽ được coi là “có mặt”. Mọi ai tham gia cuộc họp để chờ theo cách thức quy định tại Điều L này sẽ xác định theo địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất chấp thuận, hoặc nếu không có nhóm thành viên nào nhất trí, thì địa điểm sẽ xác định là địa điểm của Chủ tịch cuộc họp hiện tại.

Nghị quyết sẽ thông qua trong cuộc họp để diễn ra theo hình thức họp qua điện thoại hoặc hình thức khác sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc buổi họp, nếu các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này phải xác nhận theo mẫu văn bản của Công Ty.

31.14 Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền bỏ phiếu bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- i. Chậm nhất 3 ngày làm việc trước ngày nhậm chức ủy viên, Chủ tịch HĐQT gửi thông báo ủy viên bổ nhiệm kèm theo các tài liệu có liên quan về việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
- ii. Các thành viên HĐQT bổ nhiệm quy định theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong thông báo ủy viên bổ nhiệm cách gửi phiếu bổ nhiệm quy định Công Ty;
- iii. Chủ tịch HĐQT cử Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT làm trưởng ban kiểm tra kết quả kiểm phiếu;
- iv. Trước khi kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT và các văn bản của các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị nhậm chức quy định các thành viên HĐQT thông qua tất cả các thành viên HĐQT.

31.15 Biên bản cuộc họp

Các cuộc họp của HĐQT phải ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức in ấn khác. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản có sự phân công xem xét những biên bản khác về công việc đã tiến hành trong các cuộc họp trước khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải làm bằng tiếng Việt và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh Nghiệp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức ủy viên bổ nhiệm. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ lập hồ sơ và đính kèm tài liệu ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản tiếng Việt và tiếng Anh ngoài thì nội dung Biên bản tiếng Việt có ưu tiên áp dụng.

31.16 Những người tham dự khác

TG, các Ông, Bà và Hành Doanh Nghiệp khác và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không có bổ nhiệm quy định, trừ khi chính bản thân họ có quyền bổ nhiệm thành viên của HĐQT.

31.17 Các Nghị quyết thông qua tất cả các thành viên HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bắt buộc có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi điện thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và yêu cầu tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thứ tự trình tự, nội dung chương trình họp và thứ tự tiến hành họp không có thể hiện đúng như quy định.

Điều 32. Các tiêu chuẩn thu của HĐQT

- 32.1 Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiêu chuẩn thu cấp trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, lĩnh vực và các văn bản khác. Số lượng thành viên của các tiêu chuẩn khác (nếu có) do Hội đồng quản trị quy định. Họ sẽ có các tiêu chuẩn phi tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
- 32.2 Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu chuẩn thu của Hội đồng quản trị, hoặc của người có trách nhiệm thành viên tiêu chuẩn Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều L Công ty.
- 32.3 Trong trường hợp không thành lập các tiêu chuẩn nhân sự, tiêu chuẩn lĩnh vực, HĐQT có thể phân công thành viên cấp HĐQT giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lĩnh vực.

- 32.4 HQT quy định chi tiêu và vị trí thành lập tiểu ban, trách nhiệm của trưởng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên của lập HQT về công việc phân công và nhân sự, đồng thời quy định chính thức thành lập các tiểu ban

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THAM LÝ CÔNG TY

Điều 33. Trách nhiệm

Công Ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó bố máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước HĐQT và chủ sở hữu giám sát, chi tiêu của HĐQT. Công Ty sẽ có TG, một số Phó TG và một số Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Vị trí bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Trách nhiệm của Người điều hành Doanh nghiệp và Tham lý Công ty

34.1 Bổ nhiệm

HQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc người khác làm TG và ký hợp đồng quy định về nhiệm vụ, quyền, nghĩa vụ và các quy định lao động khác về vị trí TG. Mọi công việc, quyền, nghĩa vụ cho TG phải được báo cáo lên HĐQT thường niên và được nêu trong báo cáo hàng năm của Công Ty.

34.2 Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của TG là năm (5) năm, trừ khi được quy định khác bởi HĐQT và có thể tái bổ nhiệm. Vị trí bổ nhiệm có thể hết hạn theo quy định trong hợp đồng lao động. TG phải áp dụng tiêu chuẩn nội bộ kiểm tra Điều 157 Luật Doanh nghiệp;

Nếu nhiệm kỳ của TG kết thúc nhưng mà TG miễn nhiệm thì nhiệm kỳ của TG sẽ được kéo dài cho tới khi miễn nhiệm TG miễn nhiệm.

34.3 Quyền và trách nhiệm

TG có thể quy định quy định nội dung sau đây:

- i. Xây dựng và trình kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty cho HĐQT và báo cáo HĐQT; Trách nhiệm chi tiêu các quy định của HĐQT và HĐQT, kế hoạch kinh doanh năm, kế hoạch đầu tư của Công Ty được phê duyệt bởi HĐQT hoặc HĐQT;
- ii. Điều hành và quy định các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty. Mọi hoạt động sẽ được coi là hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty nếu như hoạt động đó không thuộc thẩm quyền quy định của HĐQT hay của HĐQT;
- iii. Quy định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thế chấp, dân sự, tài chính, chứng khoán, thương mại, bảo lãnh, giao dịch bảo hiểm hoặc bất kỳ hoạt động khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 28.3.vii và thuộc thẩm quyền của HĐQT/HQT;
- iv. Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động về việc Giám đốc các công ty con, Trưởng Chi nhánh/Vn

- phòng i di n c a Công ty và các ch c danh qu n lý khác, tr c các ch c danh thu c th m quy n b nhi m, mi n nhi m c a H QT;
- v. Quy t nh l ng và ph c p (n u có) i v i ng i lao ng trong công ty, k c các ch c danh thu c th m quy n b nhi m c a TG ;
 - vi. Quy t nh tuyền d ng lao ng;
 - vii. xu t các bi n pháp nâng cao ho t ng s n xu t kinh doanh và qu n lý c a Công Ty;
 - viii. c y quy n cho c p đ i và ng i khác th c hi n m t ho c m t s công vi c thu c th m quy n và ph i ch u trách nhi m tr c pháp lu t và tr c H QT v vi c y quy n ó;
 - ix. Trong th i gian s m nh t có th , tr c cu c h p H C th ng niên hàng n m, TG ph i trình H QT phê chu n k ho ch kinh doanh cho n m tài chính t p theo trên c s áp ng các yêu c u c a ngân sách phù h p c ng nh k ho ch tài chính n m n m;
 - x. Th c hi n các ho t ng khác thu c trách nhi m c a mình theo quy nh t i i u L , ngh quy t c a H C , ngh quy t c a H QT, y quy n ho c phân c p c a H QT, h p ng lao ng c a TG và Pháp lu t; và
 - xi. Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Pháp Lu t, i u L này, các quy ch n i b c a Công Ty, các ngh quy t c a H QT, h p ng lao ng ký v i Công Ty.
- 34.4 Báo cáo lên H QT và các C ông. TG ch u trách nhi m báo cáo H QT và cu c h p H C v vi c th c hi n các trách nhi m c a mình và các công vi c khác theo yêu c u.
- 34.5 Bã i nhi m
H QT có th bã i nhi m TG thông qua phi u bi u quy t i di n cho hai ph n ba (2/3) t ng s thành viên H QT (tr ng h p này không tính phi u bi u quy t c a chính TG) và b nhi m TG m i thay th . TG b bã i nhi m có quy n ph n i vi c bã i nhi m t i k h p H C t p theo.
- 34.6 Ng i i u Hành Doanh Nghi p
- i. Theo ngh c a TG và c s ch p thu n c a H QT, Công Ty c s d ng s l ng và lo i Ng i i u Hành Doanh Nghi p c n thi t ho c phù h p v i c c u và thông l qu n lý Công Ty do TG xu t tùy t ng th i i m. Ng i i u Hành Doanh Nghi p khác ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công Ty t c các m c tiêu ra;
 - ii. M c l ng, t n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i TG s do H QT quy t nh và h p ng v i nh ng Ng i i u Hành Doanh Nghi p khác s do H QT quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a TG .
- 34.7 Th ký Công Ty
H QT s ch nh ít nh t m t (1) ng i làm Th ký Công Ty v i nhi m k và nh ng i u kho n theo quy t nh c a H QT. H QT có th bã i nhi m Th ký Công Ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. H QT c ng có th b nhi m m t (1) hay nhi u tr lý Th ký Công Ty tùy t ng th i i m. Vai trò và nhi m v c a Th ký Công Ty bao g m:

- i. Chủ nhiệm cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và HĐQT theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS;
- ii. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;
- iii. Trả lời thắc mắc của các cuộc họp;
- iv. Đảm bảo các Nghị quyết của HĐQT, HĐQT phù hợp với luật pháp;
- v. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và KSV;
- vi. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện các quy định và nghĩa vụ công giao;
- vii. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- viii. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Công đồng và báo cáo quy định và lợi ích pháp lý của Công đồng;
- ix. Hỗ trợ Công Ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hành chính;
- x. Các quy định và nghĩa vụ khác tùy vào quy định của Chủ tịch HĐQT từ những thông tin này.

Thư ký Công Ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 35. Lao động

- 35.1 HĐQT quy định tổng số nhân viên và quản lý của Công Ty. Trưởng trong giới hạn, số toàn quyền lựa chọn tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công Ty. Điều kiện về trình độ, vị trí quản trị như Kế toán trưởng hoặc các vị trí khác của HĐQT xác định, Trưởng phải có các năng lực của HĐQT từ các khía cạnh như tham gia ký hợp đồng lao động v.v.
- 35.2 Trưởng, thành viên và các chức danh khác của nhân viên của Trưởng quy định theo quy định của HĐQT phê duyệt.
- 35.3 HĐQT chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công Ty. HĐQT có quyền đề xuất các quy định nội bộ của Công Ty ràng buộc tất cả các nhân viên của Công Ty. Các quy định này phải của HĐQT phê duyệt từ các khía cạnh thực hiện.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột lợi ích

- 36.1 Thành viên HĐQT, KSV, Trưởng, Người Quản Lý và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh Nghiệp và các quy định Pháp Luật khác. Thành viên HĐQT, KSV, Trưởng, Người Quản Lý và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác không được phép sử dụng những công việc kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có liên quan của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân khác.

36.2 Thành viên HĐQT, KSV, TG, Ng viên Quản Lý và Ng viên Hành Doanh Nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể nhận thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nếu người nêu trên che giấu danh nghĩa để lợi dụng thì các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quy định thì không truy cứu trách nhiệm này.

Thành viên HĐQT, KSV, TG, Ng viên Quản Lý và Ng viên Hành Doanh Nghiệp khác phải thông báo cho HĐQT, BKS về bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào có ký kết giữa Công Ty hoặc Công Ty Con với chính người đó hoặc Ng viên Có Liên Quan của người đó. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về giao dịch mang lợi ích cho thành viên hoặc Ng viên Có Liên Quan của thành viên đó.

36.3 Trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận, Công Ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, KSV, TG, Ng viên Quản Lý, Ng viên Hành Doanh Nghiệp khác và nhà Ng viên Có Liên Quan của các người nêu trên, trừ trường hợp Công Ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Công ty hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Công ty kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

36.4 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với các người quy định tại Điều 162.1 Luật Doanh Nghiệp, KSV, Ng viên Quản Lý, Ng viên Hành Doanh Nghiệp khác và Ng viên Có Liên Quan của các người này sẽ không bị vô hiệu, nếu:

- i. Hợp đồng mua bán bất động sản, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty. Trong trường hợp này, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
- ii. Hợp đồng mua bất động sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty. Trong trường hợp này, Công Ty có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có sự đồng ý của 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại.

36.5 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều 162 và khoản 2 Điều 163 của Luật này và gây thiệt hại cho Công Ty. Người ký kết hợp đồng, Công Ty, thành viên HĐQT hoặc TG có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

36.6 Thành viên HĐQT, TG, Ng viên Hành Doanh Nghiệp hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất kỳ hình thức nào khác các chứng khoán của Công Ty hoặc Công Ty Con của Công Ty vào thời điểm họ có trách nhiệm thông tin cho công chúng gây ra những biến động giá của chứng khoán và các Công Ty khác liên quan thông tin này.

Điều 37. Trách nhiệm về thị trường và Bồi thường

37.1 Trách nhiệm về thị trường

Thành viên HĐQT, KSV, TG và Ng viên Hành Doanh Nghiệp khác vì phạm nghĩa vụ hành nghề một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự

trung, quản lý và nhân viên chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

37.2 B i th ng

Công Ty sẽ b i th ng cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại, đang hoặc có thể sẽ tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là vụ kiện tụng do Công Ty thực hiện hay thu cước quyền khiếu nại của Công Ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, KSV, TG, Người đại diện Hành Doanh Nghiệp, nhân viên hoặc là người đi làm theo yêu cầu của Công Ty (hay Công Ty Con của Công Ty) quy định, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty (hay Công Ty Con của Công Ty) với tư cách thành viên HĐQT, KSV, Người đại diện Hành Doanh Nghiệp, nhân viên hoặc người đi làm theo yêu cầu của Công Ty, tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, quản lý chuyên môn theo những thực mà người đó tin rằng đó là vì lợi ích hoặc không chấp nhận lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Những chi phí của b i th ng bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc coi là mất hợp lý khi ghi quy định về việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó tránh những trách nhiệm b i th ng nêu trên.

đ i u 38. Trách nhiệm của nhân viên HĐQT, KSV, TG và Người đại diện Hành Doanh Nghiệp

Thành viên HĐQT, KSV hoặc TG và Người đại diện Hành Doanh Nghiệp khác sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo những thực mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công Ty và vì lợi ích của nhân viên mà một người thừa kế có thể có khi nhiệm vụ trí tuệ của họ và trong hoàn cảnh nhất định.

CH ƯƠNG XI BAN KIỂM SOÁT

đ i u 39. Ban Kiểm soát

- 39.1 Số lượng KSV của Công Ty là ba (03) người. Nhiệm vụ của KSV không quá năm (05) năm và có thể bị bãi nhiệm khi không hoàn thành.
- 39.2 BKS sẽ có các quyền và trách nhiệm theo điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quy định, nghĩa vụ sau:
- i. Xuất và kiến nghị HĐQT phê duyệt kế hoạch kiểm toán kế hoạch thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty;
 - ii. Chịu trách nhiệm trực tiếp công việc giám sát của mình;
 - iii. Giám sát tình hình tài chính Công Ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, TG, Người đại diện Hành Doanh Nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TG và Công ty;

- iv. Tr ợng h ợp phát hi ệ n hành vi vi ph ạm pháp lu ật ho ặc vi ph ạm i ều L ệ a thành viên H ội Q ỹ, T ổng và Ng ười i ều Hành Doanh Nghi ệp khác, ph ải thông báo b ằng v ăn b ản v ề i ều H ội Q ỹ trong vòng b ốn m ươi tám (48) gi ờ, yêu c ầu ng ười có hành vi vi ph ạm ch ỉ m ẫu t ại vi ph ạm và có gi ới pháp kh ả c ả ph ả h ử qu ỹ ;
 - v. Báo cáo t ại H ội C ộng theo quy ịnh c ủa Lu ật Doanh Nghi ệp;
 - vi. Các quy ịnh và ngh ĩa v ệ khác theo quy ịnh c ủa Pháp Lu ật và i ều L ệ này
- 39.3 Ban ki ểm soát ph ải h ẹp ít nh ất 02 l ần trong m ột n ăm, s ố l ượng thành viên tham d ự h ẹp ít nh ất là 2/3 s ố Ki ểm soát viên. Biên b ản h ẹp Ban ki ểm soát c ả l ập chi ti ết và rõ ràng. Th ký và các Ki ểm soát viên tham d ự h ẹp ph ải ký tên vào các biên b ản cu ả h ẹp. Các biên b ản h ẹp c ủa Ban ki ểm soát ph ải c ả l ập gi ữ nh ằm xác ịnh trách nhi ệm c ả t ại ng ười Ki ểm soát viên. Trong cu ả h ẹp BKS, Ban ki ểm soát có quy ịnh yêu c ầu thành viên H ội Q ỹ, Cán B ộ Qu ản Lý và i ều đi ều công ty ki ểm toán c ả l ập tham d ự và tr ả l ời các v ấn ề mà các Ki ểm soát viên quan tâm.
- 39.4 Vi ệc bi ểu quy ết b ộ KSV ph ải c ả th ể hi ệ n theo ph ần th ể b ộ ph ần thông ườ phi ườ, ho ặc b ộ đ ể phi ườ, tùy theo quy ết ịnh ho ặc quy ể b ộ c ả đ ể do H ội C ộng phê đ uyệt tùy từng th ườ i ườ.
- 39.5 KSV ph ải có tiêu chu ẩn và i ều ki ể n sau ậy:
- i. Có n ăng l ực hành vi dân s ử y ườ và không thu ể i ể t ại ng ườ b ể m ể thành l ập và qu ản lý doanh nghi ệp theo quy ịnh c ủa Lu ật Doanh Nghi ệp;
 - ii. Không ph ải là v ườ ho ặc ch ợng, cha ườ, cha nuôi, m ườ, m ườ nuôi, con ườ, con nuôi, anh ru ồ t, ch ợ ru ồ t, em ru ồ t c ả thành viên H ội Q ỹ, T ổng và Ng ười Qu ản Lý;
 - iii. Là ki ểm toán viên ho ặc k ể toán viên theo quy ịnh c ủa Pháp Lu ật.
- KSV không ph ải là: (i) nhân viên trong b ộ ph ần k ể toán, tài chính c ả Công Ty ho ặc (ii) thành viên hay nhân viên c ả công ty ki ểm toán c ả l ập th ể hi ệ n vi ệc ki ểm toán các báo cáo tài chính c ả Công Ty trong 03 n ăm li ề n tr ể c ả ố.
- Các KSV b ộ m ể thành viên làm Tr ợng ban theo nguyên t ể c ả s ử . Tr ợng BKS ph ải là k ể toán viên ho ặc ki ểm toán viên chuyên nghi ệp và ph ải làm vi ệc chuyên trách t ại Công Ty. Tr ợng BKS có các quy ịnh và trách nhi ệm sau:
- i. Tr ườ t ể p ể cu ả h ẹp BKS và ho ể t ể ng ườ v ể t ể cách là Tr ợng BKS;
 - ii. Yêu c ầu Công Ty cung ể p ể các thông tin liên quan ể báo cáo các thành viên c ả BKS;
 - iii. L ập và ký báo cáo c ả BKS sau khi ể tham kh ồ ỷ ki ể n c ả H ội Q ỹ tr ểnh lên H ội C ộng .
- 39.6 T ể cách KSV b ể ch ỉ m ẫu t ể trong các tr ợng h ẹp sau:
- i. N ườ thành viên ể b ể Pháp Lu ật c ể m ể th ể hi ệ n vai trò thành KSV;
 - ii. N ườ thành viên ể t ể ch ể c ả và gi ể thông báo t ể tr ể s ể chính c ả Công Ty;
 - iii. Thành viên b ể nh ể h ể ng ể c ả s ể r ể i ể lo ể n tâm th ể n và các thành viên khác c ả BKS nh ể n th ể y thành viên ể m ể t ể n ể ng ể l ể c ể hành vi;
 - iv. N ườ thành viên ể trong sáu tháng (06) liên t ể p ể v ể ng ể m ể t ể trong các cu ả h ẹp c ả BKS mà không ể c ể phép c ả BKS và BKS quy ể t ể ngh ể r ể ng ể v ể tr ể c ể a ng ể i ể ể b ể b ể tr ể ng ể;
 - v. Thành viên ể b ể cách ch ể c ể KSV theo quy ết ịnh c ả H ội C ộng Công Ty.

- 39.7 Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công Ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Pháp Luật, Điều lệ Công Ty và các nghị quyết trong thẩm quyền và nghĩa vụ của giao
- 39.8 KSV thực hiện thanh toán chi phí lãi, chi phí, chi phí sử dụng dịch vụ tài chính và chi phí quản lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được HĐQT chấp thuận, trừ trường hợp HĐQT có quy định khác.

CHƯƠNG XII

QUY ĐỊNH VỀ TRƯỞNG SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 40. Quy định về trưởng sách và hồ sơ

- 40.1 Công ty hoặc nhóm Công ty có trụ sở trong Điều 9.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh chính của Công ty và danh sách Công ty ghi nhận, các biên bản họp HĐQT và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư gửi đi hoặc người ủy quyền khác của Công ty phải kèm theo giấy ủy quyền của Công ty mà người gửi đi hoặc mặt bên sao chụp bằng văn bản của giấy ủy quyền này.
- 40.2 Thành viên HĐQT, KSV, TG và Người điều hành Doanh Nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Công ty của Công ty, danh sách Công ty và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với tư cách là các thông tin này phải công bố.
- 40.3 Công ty sẽ phải tuân thủ Điều lệ này và những bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định về tài sản, biên bản họp HĐQT và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc mặt bên khác với tư cách là các Công ty và các quan hệ kinh doanh công bố và phải tuân thủ các giấy tờ này.
- 40.4 Công ty có quyền của Công ty công bố mặt bên Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có trang thông tin internet riêng, Điều lệ này phải công bố trên trang thông tin internet đó.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân chia lợi nhuận

- 41.1 Trong bất kỳ năm tài chính nào, Công ty có thể trực tiếp cho các Công ty với tư cách là Công ty có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật, công nhận và nộp vào các quỹ và ngay sau khi thực hiện, và

- Công Ty vẫn kh n ng thanh toán t t c các kho n n và th c hi n các ngh a v tài s n khác n h n ph i tr .
- 41.2 Theo Ngh quy t c a H C và theo quy nh c a pháp lu t, c t c s c công b và thanh toán t l i nhu ng i l i c a Công Ty và do H QT xu t.
- 41.3 Theo quy nh c a Lu t Doanh Nghi p, H QT có th tr c t c t m th i n u th y r ng vi c thanh toán ó là phù h p v i kh n ng sinh l i c a Công Ty. Công Ty không tr l i cho kho n t i n tr c t c hay kho n t i n chi tr liên quan t i m t lo i c phi u.
- 41.4 Theo ngh c a H QT, H C có th phê duy t vi c tr c t c toàn b h o c m t ph n b ng tài s n c th (có th là C Ph n ã mua h o c trái phi u ã c thanh toán h t t i n mua do công ty khác phát hành) và H QT s th c hi n ngh quy t này.
- 41.5 B t k c t c h o c kho n thanh toán nào b ng t i n m t h o c C Ph n s c thanh toán b ng t i n Vi t Nam ng thông qua hình th c chuy n kho n qua ngân hàng n u Công Ty có chi t i t tài kho n c a C ông Công Ty có th th c hi n vi c chuy n kho n s t i n ó t i tài kho n c a C ông ó, h o c b ng hình th c g i s c t i a ch c a C ông trong s ng Ký C ông, n u Công Ty không có thông tin v tài kho n c a C ông.
- 41.6 Tr ng h p c t c hay nh ng kho n t i n khác liên quan t i m t lo i c phi u c chi tr b ng t i n m t, Công Ty s ph i chi tr b ng t i n ng Vi t Nam và có th thanh toán b ng séc h o c l nh tr t i ng i qua b u i n t i a ch ã ng ký c a C ông th h ng và tr ng h p có r i ro phát sinh (t a ch ã ng ký c a C ông) thì C ông ó ph i ch u. Ngoài ra, các kho n t i n tr c t c h o c các kho n t i n khác c chi tr b ng t i n m t liên quan t i m t lo i c phi u có th c chi tr b ng chuy n kho n ngân hàng khi Công Ty ã có thông tin chi t i t v ngân hàng c a C ông nh m cho phép Công Ty th c hi n c vi c chuy n kho n tr c t i p vào tài kho n ngân hàng c a C ông. Tr ng h p Công Ty ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi t i t v ngân hàng do C ông cung c p mà C ông ó không nh n c t i n, Công Ty không ph i ch u trách nhi m v kho n t i n Công Ty chuy n cho C ông th h ng. Vi c thanh toán c t c i v i các c phi u niêm y t t i S Giao D ch Ch ng Khoán có th c t i n hành thông qua công ty ch ng khoán h o c VSD.
- 41.7 Tr ng h p có s ch p thu n c a H C , H QT có th quy t nh và thông báo r ng nh ng ng i s h u C Ph n ph thông c nh n c t c b ng các C Ph n ph thông thay cho c t c b ng t i n m t. Các C Ph n b sung tr c t c này c ghi là nh ng C Ph n ã thanh toán y t i n mua trên c s giá tr c a các C Ph n tr c t c phi i t ng ng v i s t i n m t tr c t c.
- 41.8 C n c Lu t Doanh Nghi p, Lu t Ch ng Khoán, H QT thông qua ngh quy t xác nh m t ngày c th ch t danh sách C ông. C n c theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách C ông h o c ng i s h u c a các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c, l i su t, phân ph i l i nhu n, nh n c phi u, nh n thông báo h o c tài li u khác.
- 41.9 Công Ty s thanh toán c t c cho C ông u ã phù h p v i th i h n và i u ki n ghi trong (các) ch ng ch c a C Ph n u ã i ó.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NẾM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản Ngân hàng

- 42.1 Công Ty có thể mở tài khoản deposits hình thức nào, Việt Nam hoặc nước ngoài và dù là vắng mặt, tín dụng khác, tín dụng Ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam phù hợp với Pháp luật.
- 42.2 Tùy thuộc vào sự phê chuẩn từ các quan chức có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản nước ngoài, nếu cần thiết.
- 42.3 Công Ty thực hiện mọi việc thanh toán và kế toán qua các tài khoản ngân hàng Việt Nam hoặc nước ngoài tại Ngân hàng nơi Công Ty mở tài khoản.

Điều 43. NếM tài chính

NếM tài chính của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

Điều 44. Báo cáo và Chế độ Kế toán

- 44.1 Công Ty sẽ áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ Chế độ kế toán nào khác của Bộ Tài chính duy trì và sửa đổi các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
- 44.2 Công Ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VN. Sổ sách này có thể chuyển sang thể hiện bằng tiền USD trong trường hợp yêu cầu.
- 44.3 Công Ty lưu trữ sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, Công Ty lưu giữ các sổ sách theo mô hình hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, trình bày và mô tả các giao dịch của Công Ty.
- 44.4 Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi TGĐ và Kế toán trưởng.

Điều 45. Lưu trữ Tài chính trong tương lai

- 45.1 Các Công đồng không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công Ty.
- 45.2 Công Ty có thể tăng vốn, phát hành chứng khoán và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BỐ MẠCH

Điều 46. Báo cáo hàng năm, công bố thông tin và thông báo ra công chúng

- 46.1 Công Ty phải chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này và trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi kết thúc năm tài chính, nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Hội đồng phê duyệt cùng các tài liệu kèm theo lên các quan chức có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các quan chức có thẩm quyền khác theo quy định của Pháp luật.
- 46.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình tài chính và lợi ích của Công Ty trong

n m tài chính và b n cân i k toán ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình các ho t ng c a Công Ty cho n th i i m l p báo cáo, báo cáo l u chuy n t i n t và thuy t minh báo cáo tài chính. Tr ng h p Công Ty là m t công ty m , ngoài báo cáo tài chính n m còn ph i bao g m b n cân i k toán t ng h p v tình hình ho t ng c a Công Ty và các Công Ty Con vào cu i m i n m tài chính.

46.3 Công Ty ph i l p các báo cáo sáu (6) tháng và hàng quý theo các quy nh c a y ban Ch ng khoán Nhà n c và n p cho y ban Ch ng khoán Nhà n c và S Giao d ch Ch ng Khoán. Báo cáo tài chính quý không ph i ki m toán.

46.4 Báo cáo tài chính hàng n m ã c ki m toán, báo cáo quý và sáu (6) tháng c a Công Ty ph i c công b trên trang thông tin i n t c a Công Ty.

46.5 Các C ông quan tâm u c quy n ki m tra ho c sao ch p b n báo cáo tài chính hàng n m ã c ki m toán, báo cáo sáu (6) tháng và hàng quý trong gi làm vi c c a Công Ty, t i tr s chính c a Công Ty sau khi thông báo tr c cho Công Ty n m (5) ngày làm vi c và ph i tr m t m c phí h p lý cho vi c sao ch p.

46.6 Công b thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng n m và các tài li u b tr khác ph i c công b ra công chúng theo nh ng quy nh c a y ban Ch ng khoán Nhà n c và n p cho c quan thu h u quan và c quan có th m quy n theo các quy nh c a Lu t Doanh Nghi p và Pháp Lu t hi n hành.

i u 47. Báo cáo th ng niên

Công Ty ph i l p và công b báo cáo th ng niên theo các quy nh c a Pháp Lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

i u 48. Ki m toán

48.1 Trong tr ng h p Pháp Lu t yêu c u ho c khi c n thi t, m t công ty ki m toán có uy tín ho c i u ki n theo quy nh c a Pháp Lu t s c TG ch nh/l a ch n là công ty ki m toán chính th c th c hi n vi c ki m toán cho Công Ty trong n m tài chính t i p theo d a trên nh ng i u ki n và i u kho n tho thu n v i Công Ty. Chi phí cho vi c ki m toán s do Công Ty ch u.

48.2 Công Ty chu n b và g i báo cáo tài chính hàng n m cho Công ty ki m toán c l p sau khi h t n m tài chính.

48.3 Công ty ki m toán c l p ki m tra, xác nh n và báo cáo v báo cáo tài chính hàng n m cho bi t các kho n thu chi c a Công Ty, l p báo cáo ki m toán và trình báo cáo ó cho H QT trong vòng hai (02) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính.

48.4 M t b n sao báo cáo ki m toán s c ính kèm và là m t ph l c c a báo cáo k toán hàng n m c a Công Ty.

48.5 Ki m toán viên th c hi n vi c ki m toán Công Ty s c phép tham d m i cu c h p H C và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n H C mà các C ông c quy n nh n và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan n ki m toán.

i u 49. Con d u

49.1 H QT quy t nh hình th c, n i dung, s l ng và vi c s d ng con d u tùy t ng th i i m và theo quy nh c a Pháp Lu t.

49.2 TG Công Ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.

Điều 50. B om t

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, không một thành viên nào của HĐQT, BKS, Người đại diện Hành Doanh Nghiệp, Công đồng hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công Ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công Ty mà thông tin đó không được phân bố hoặc không được suy luận từ các thông tin đã được phân bố rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

- 50.1 Công ty thành viên của Công Ty (nếu có); hoặc
- 50.2 Các Công đồng theo quy định tại Điều này hoặc Nghị quyết của HĐQT; hoặc
- 50.3 Người đại diện Hành Doanh Nghiệp và nhân viên của Công Ty hoặc các kỹ thuật viên, trợ lý và lý do nghề nghiệp này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công Ty. Trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bố m t các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất kỳ người nào khác; hoặc
- 50.4 Các Công đồng hoặc giám đốc (hoặc từng giám đốc) của Công đồng (trường hợp Công đồng là pháp nhân), hoặc các thành viên và nhà cung cấp dịch vụ của Công đồng, với điều kiện là nghề nghiệp này phải cam kết bằng văn bản sẽ bố m t các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất kỳ người nào khác; hoặc
- 50.5 Cho mục đích mua sắm các nhà đầu tư tiềm năng tìm kiếm cơ hội mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ Cổ Phần nào trong Công Ty, với điều kiện là nghề nghiệp này phải cam kết bằng văn bản sẽ bố m t các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất kỳ người nào khác; hoặc
- 50.6 Các nội dung yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp Luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của thẩm quan tòa án hoặc quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- 50.7 Các quan thuế theo yêu cầu pháp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Công đồng liên quan.

CHƯƠNG XVI

CHƯƠNG THO T NG VÀ GI I TH

Điều 51. Chương tho t ng

- 51.1 Công Ty chương tho t ng hoặc bố gi i th trong các trường hợp sau:
 - i. Hợp thể hiện hoạt động và bố trí nhân sự nào sau đó;
 - ii. Theo phán quyết của các Tòa án của Việt Nam tuyên bố phá sản Công Ty theo quy định Pháp Luật hiện hành;
 - iii. Chương tho t ng thể hiện theo Nghị quyết của HĐQT;
 - iv. Bị thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - v. Không sử dụng Công đồng thi u theo quy định của Pháp Luật trong thời gian liên tục sáu (6) tháng liên tiếp; hoặc
 - vi. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

51.2 Nghị quyết ghi i th Công Ty tr c th i h n (ho c gia h n) ph i c H C thông qua và c H QT th c hi n và ph i c thông báo t i c quan nhà n c có th m quy n xin phê chu n n u c n thi t. Thông báo này ph i c th c hi n phù h p v i quy nh c a i u 202 c a Lu t Doanh Nghi p.

i u 52. Gia h n th i h n ho t ng

52.1 Th i h n ho t ng c a Công Ty là vô h n theo quy nh t i i u 2.6 i u L này, trong tr ng h p mu n thay i th i h n ho t ng c a Công Ty, H QT ph i tri u t p h p H C các C ông bi u quy t v i c thay i Th i H n ho t ng theo th i h n m i mà H QT xu t.

52.2 Th i h n ho t ng s c gia h n b ng m t Nghị quy t có hi u l c c các C ông i di n cho ít nh t 51% s C Ph n ph thông có quy n bi u quy t có m t t i H C thông qua.

i u 53. Thanh lý

53.1 Ít nh t sáu (6) tháng sau khi có Nghị quy t ghi i th Công Ty, H QT ph i thành l p Ban thanh lý bao g m ba (3) thành viên và ph i a ra trách nhi m c a Ban thanh lý. Hai (2) thành viên s c ch nh b i H C và m t (1) thành viên c ch nh b i H QT t m t công ty ki m toán c l p. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công Ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c Công Ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công Ty

53.2 Ban thanh lý ch u trách nhi m báo cáo v i Phòng ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng c a mình. K t khi ó, Ban thanh lý s i di n Công Ty trong m i công vi c liên quan t i quá trình thanh lý tr c Tòa án và các c quan hành chính.

53.3 S t i n thu c t v i c thanh lý s c thanh toán theo Pháp lu t.

53.4 Quá trình ho t ng c a Ban thanh lý không c kéo dài quá sáu (6) tháng k t ngày c thành l p. Quá th i h n trên, cho dù v i c thanh lý v n ch a c hoàn thành, thì Ban thanh lý v n ph i ch m d t ho t ng. Trong tr ng h p này, các C ông s t gi i quy t các v n còn l i. Tr ng h p có phát sinh tranh ch p, s c gi i quy t theo i u 56 c a i u L này.

i u 54. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H QT và C ông

Tr khi i u L này có quy nh khác, các C ông n m gi t 51% s C Ph n ang l u hành và có quy n bi u quy t trong v i c b u thành viên H QT có quy n n khi u n i t i Tòa án yêu c u gi i th Công Ty theo m t hay m t s các c n c sau ây, sau khi H C ã c t i n hành tuy t c t 51% t ng s c phi u bi u quy t tán thành nh ng không s phi u c n thi t theo i u 24.1(ii) c a i u L thông qua v i c gi i th theo ph ng án c a nhóm C ông này:

- i. Các thành viên H QT không th ng nh t trong qu n lý các công vi c c a Công Ty d n n tình tr ng không t c s phi u c n thi t theo quy nh H QT ho t ng.
- ii. Các C ông không th ng nh t nên không th t c s phi u c n thi t theo quy nh t i n hành b u thành viên H QT.

- iii. Có số bất đồng trong nội bộ và hai (2) hoặc nhiều nhóm Công đồng chia rẽ khi cần cho việc gì thì sẽ là phương án có lợi hơn cho toàn thể Công đồng.

CHƯƠNG XVII

THÔNG BÁO, GIỚI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 55. Thông báo

- 55.1 Bất kỳ thông báo nào theo Điều L này sẽ có hiệu lực thành văn bản bằng tiếng Việt, trừ trường hợp cần thiết có thể thêm bằng tiếng Anh.
- 55.2 Bất kỳ thông báo công khai nào sẽ được xem như đã nhận:
 - i. Nếu được trao tận tay, thì thời gian giao nhận hoặc thời gian chuyển nhận;
 - ii. Nếu công bố bằng bưu điện, ba (3) ngày sau ngày gửi (hoặc bảy (7) ngày sau ngày gửi nếu gửi đi hoặc gửi ngoài lãnh thổ Việt Nam); hoặc
 - iii. Nếu công bố bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng tám (8) tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo nhận văn bản bằng fax.
- 55.3 Trường hợp Công đồng là một nhóm người cùng tên, thì thông báo sẽ gửi cho người có tên người ưu tiên trong số người Ký Công đồng và thông báo gửi cho người có giá trị cho tất cả những người khác.
- 55.4 Công Ty sẽ thể hiện các nội dung chính xác của các thành viên trong Số người Ký Công đồng và Chức vụ HQT của các thành viên Công đồng như nội dung thông báo bằng văn bản từ Công đồng.

Điều 56. Giới quyết tranh chấp

- 56.1 Trường hợp có tranh chấp hoặc khi xảy ra phát sinh liên quan tới hoạt động của Công Ty hoặc các quy định của Công đồng theo Điều L này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:
 - i. Công đồng và Công Ty; hoặc
 - ii. Công đồng và HQT, BKS, TG hoặc Người điều Hành Doanh Nghiệp khác, thì các bên liên quan sẽ cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HQT hay Chức vụ HQT, Chức vụ HQT sẽ chờ việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu bên trình bày các vấn đề liên quan tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HQT hay Chức vụ HQT, bên nào có thể yêu cầu Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) chọn một hòa giải viên hành nghề với cách trình bày tài liệu quá trình giải quyết tranh chấp, chi phí hòa giải sẽ do bên yêu cầu chịu.
- 56.2 Trường hợp không thể thỏa thuận hòa giải trong vòng sáu (6) tuần kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải, hoặc nếu hòa giải không có hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào có thể đưa vụ việc ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), có quy định chi tiết cùng theo các quy định hiện hành của Quy Tắc Trọng tài của VIAC có hiệu lực thì sẽ áp dụng theo hướng dẫn như sau:
 - i. Địa điểm: Hà Nội.
 - ii. Ngôn ngữ tố tụng: Tiếng Việt.

- iii. Số lượng Trưởng tài viên: Ba (3) trưởng tài viên. Một bên tham gia vào tranh chấp sẽ chỉ định một trưởng tài viên và trưởng tài viên thứ ba sẽ chỉ định hai trưởng tài viên nữa để thành lập Hội đồng trưởng tài viên. Ông vai trò Chủ tịch Hội đồng trưởng tài viên.
- iv. Phán quyết: Phán quyết trưởng tài viên là chung thẩm và có hiệu lực bắt buộc thi hành với các bên.
- v. Chi phí: Chi phí trưởng tài viên do bên thua kiện chịu, trừ khi quy định khác theo phán quyết.
- vi. Thi hành: Bên thắng kiện theo phán quyết có thể yêu cầu tòa án (bao gồm cả tòa án nới mà bên thua có tài sản) hoặc cơ quan thi hành phán quyết trưởng tài viên.

CHƯƠNG XVIII

S A I B S U N G I U L

Điều 57. Sai b sung i u L

- 57.1 Việc sai và b sung i u L phải thực hiện theo Điều 24.1(ii) của i u L này.
- 57.2 Bất kỳ quy định Pháp Luật nào liên quan tới hoạt động của Công Ty mà không quy định i u L này hoặc có quy định Pháp Luật mâu thuẫn mà trái với i u L này thì quy định đó sẽ bị áp dụng và i u L của Công Ty.

Điều 58. Ngày hi u l c

- 58.1 i u L này là bản i u L hợp pháp và chính thức của Công Ty, thay thế các bản i u L ban hành trước đây cùng các bản sai, b sung i u l ,
- 58.2 Công ty sẽ cung cấp bản sao y hoặc bản trích lục của i u L theo quy định của Công ty và vì cung cấp bản sao y hoặc bản trích lục và theo quy định của Pháp Luật.

CH KÝ NG I I D I N T H E O P H Á P L U T

T NG GIÁM C

NGUYỄN HẢO HI P

PH L C 01

(ính kèm i u l Công ty c ph n a c First Real)

DANH SÁCH C ÔNG SÁNG L P C A CÔNG TY

STT	C ÔNG SÁNG L P	A CH	S C PH NS H U	GIÁ TR C PH N (M NH GIÁ) (VN)
1	Nguy n Hào Hi p	96/9 Tr n V n H i, Ph ng Tr ng Chinh, Thành ph Kom Tum, t nh Kom Tum, Vi t Nam	4.690.273	46.902.730.000
2	inh V n Võ	Thành Tây, Xã V n Phú, Huy n Nho Quan, T nh Ninh Bình, Vi t Nam	0	0
3	Nguy n H u c	Thôn 4, Xã Duy Hòa, Huy n Duy Xuyên, T nh Qu ng Nam, Vi t Nam	322.859	3.228.590.000
4	Nguy n c Tâm	T 11, Thôn Quý Th ch, Xã Bình Quý, Huy n Th ng Bình, T nh Qu ng Nam, Vi t Nam	0	0

Ghi chú: Tài li u này có th c s a i/b sung và trình H C xem xét quy t nh t i i h i